

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh  
Mỹ Tây, TP HCM  
ĐT: 028.3622 1025 Fax: 028.3636 7100

**Số: 188/2026/CV-CII**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026*

*V/v: giải trình tăng/giảm kết quả hoạt động kinh  
doanh trên báo cáo riêng năm 2025 đã được kiểm  
toán*

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty đạt 340,8 tỷ đồng, giảm 16,5 tỷ đồng (tương đương 4,6%) so với kết quả lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính trước kiểm toán. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 nhìn chung duy trì ổn định so với lợi nhuận sau thuế năm 2024 (2024 đạt 338,8 tỷ đồng).

Chi tiết về báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty CII, vui lòng xem tại website: [www.cii.com.vn](http://www.cii.com.vn).

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP; P. Kế toán



**LÊ QUỐC BÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**



**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                     | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC              | 1 - 2               |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                  | 3                   |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG                 | 4 - 6               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 7                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG           | 8 - 9               |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG        | 10 - 72             |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

|                         |                                                  |
|-------------------------|--------------------------------------------------|
| Ông Lê Vũ Hoàng         | Chủ tịch                                         |
| Bà Trương Thị Ngọc Hải  | Phó Chủ tịch                                     |
| Ông Lê Quốc Bình        | Thành viên                                       |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm  | Thành viên                                       |
| Ông Dương Trường Hải    | Thành viên độc lập                               |
| Ông Lê Toàn             | Thành viên độc lập                               |
| Ông Lê Phạm Ngọc Phương | Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)   |
| Ông Lưu Hải Ca          | Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025) |

#### Ban Kiểm soát

|                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| Ông Đoàn Minh Thư     | Trưởng ban kiểm soát |
| Bà Trịnh Thị Ngọc Anh | Thành viên           |
| Bà Trần Thị Tuất      | Thành viên           |

#### Ban Tổng Giám đốc

|                         |                                                                         |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Ông Lê Quốc Bình        | Tổng Giám đốc                                                           |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm  | Phó Tổng Giám đốc                                                       |
| Ông Nguyễn Văn Thành    | Phó Tổng Giám đốc                                                       |
| Bà Nguyễn Quỳnh Hương   | Phó Tổng Giám đốc                                                       |
| Bà Nguyễn Thị Thu Trà   | Giám đốc tài chính                                                      |
| Ông Lê Trung Hiếu       | Giám đốc quản lý vốn                                                    |
| Ông Nguyễn Trường Hoàng | Giám đốc phát triển dự án                                               |
| Bà Trần Yến Vy          | Giám đốc hành chính - quản trị                                          |
| Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Giám đốc công nghệ và chuyển đổi số (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Duy Minh     | Giám đốc quản lý xây dựng hạ tầng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)   |
| Bà Lý Huỳnh Trúc Giang  | Giám đốc kế toán (bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2025)                    |
| Ông Dương Quang Châu    | Giám đốc dự án hạ tầng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)            |

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Quốc Bình - Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Lê Quốc Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Số: 2382/2026/BCKT-ICPA.SG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2026, từ trang 4 đến trang 72, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Lương Giang Thạch**  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2178-2023-072-1



**Phạm Thị Toan**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2024-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|----------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
|                                              |            |             |                           |                           |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>14.011.697.974.229</b> | <b>12.053.821.756.156</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>306.234.645.950</b>    | <b>73.650.217.788</b>     |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 293.034.645.950           | 73.650.217.788            |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 13.200.000.000            | -                         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>V.9</b>  | <b>1.431.367.927.447</b>  | <b>232.124.749.921</b>    |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                    | 121        |             | -                         | 111.760.631.138           |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  | 122        |             | -                         | (16.114.007.638)          |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | 1.431.367.927.447         | 136.478.126.421           |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>12.264.404.946.087</b> | <b>11.732.012.665.694</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | V.2         | 3.331.340.862.684         | 3.454.265.324.719         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | 5.783.264.441             | 10.748.000.000            |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        | V.3         | 7.506.790.744.971         | 6.162.638.193.201         |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | V.4         | 1.432.986.123.796         | 2.125.576.059.318         |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | V.5         | (12.496.049.805)          | (21.214.911.544)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> |             | <b>-</b>                  | <b>10.602.469.880</b>     |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | -                         | 10.602.469.880            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>9.690.454.745</b>      | <b>5.431.652.873</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |             | 8.205.198.492             | 4.897.331.924             |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 1.412.135.069             | 527.495.371               |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | V.10        | 73.121.184                | 6.825.578                 |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
|                                               |            |             |                           |                           |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>4.409.196.353.387</b>  | <b>4.014.192.778.522</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | <b>6.733.000.000</b>      | <b>6.796.465.900</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn khác                      | 216        | V.4         | 6.733.000.000             | 6.796.465.900             |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>69.007.836.436</b>     | <b>58.382.226.164</b>     |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.6         | 68.947.836.436            | 58.342.226.164            |
| - Nguyên giá                                  | 222        |             | 76.231.598.690            | 63.060.661.185            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |             | (7.283.762.254)           | (4.718.435.021)           |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.7         | 60.000.000                | 40.000.000                |
| - Nguyên giá                                  | 228        |             | 1.059.080.204.896         | 1.059.020.204.896         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |             | (1.059.020.204.896)       | (1.058.980.204.896)       |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>230</b> | <b>V.8</b>  | <b>61.054.922.766</b>     | <b>65.107.787.965</b>     |
| - Nguyên giá                                  | 231        |             | 67.108.989.145            | 68.912.837.103            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 232        |             | (6.054.066.379)           | (3.805.049.138)           |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>            | <b>240</b> |             | <b>11.947.976.909</b>     | <b>14.187.906.802</b>     |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 242        |             | 11.947.976.909            | 14.187.906.802            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>            | <b>250</b> | <b>V.9</b>  | <b>4.258.967.617.276</b>  | <b>3.865.954.294.428</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        |             | 2.931.652.009.764         | 2.946.139.735.078         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết    | 252        |             | 1.336.168.324.046         | 906.480.000.000           |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             | 253        |             | 245.022.989.350           | 35.022.989.350            |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn          | 254        |             | (253.875.705.884)         | (21.688.430.000)          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>1.485.000.000</b>      | <b>3.764.097.263</b>      |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        |             | 1.485.000.000             | 3.691.377.721             |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        |             | -                         | 72.719.542                |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200) | <b>270</b> |             | <b>18.420.894.327.616</b> | <b>16.068.014.534.678</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|---------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         | <b>300</b> |             | <b>10.445.073.421.620</b> | <b>11.326.237.200.476</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         | <b>310</b> |             | <b>3.909.058.003.820</b>  | <b>4.107.523.915.506</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        |             | 4.957.200.000             | 403.069.079               |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        |             | 1.613.874.873             | 8.885.829.116             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | V.10        | 1.604.092.529             | 33.151.604                |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 7.668.000.000             | 15.498.146.055            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        |             | 1.173.328.240             | 9.802.765.200             |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | V.11        | 347.588.272.307           | 421.239.265.886           |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | V.12        | 3.507.285.600.455         | 3.618.382.522.060         |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn                                 | 321        |             | -                         | 4.975.350.600             |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 37.167.635.416            | 28.303.815.906            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         | <b>330</b> |             | <b>6.536.015.417.800</b>  | <b>7.218.713.284.970</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn khác                                      | 337        | V.11        | 1.952.378.000.000         | 1.982.998.000.000         |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                           | 338        | V.12        | 3.031.959.129.020         | 2.408.500.962.692         |
| 3. Trái phiếu chuyển đổi                                      | 339        | V.13        | 1.551.678.288.780         | 2.827.214.322.278         |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>7.975.820.905.996</b>  | <b>4.741.777.334.202</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>V.14</b> | <b>7.975.820.905.996</b>  | <b>4.741.777.334.202</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 6.254.504.210.000         | 3.197.524.130.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 6.254.504.210.000         | 3.197.524.130.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | -                         | 354.280.194.318           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                           | 413        |             | 942.961.555.395           | -                         |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 26.754.731.531            | 269.857.844.910           |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 751.600.409.070           | 920.115.164.974           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 410.826.850.640           | 581.296.608.675           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 340.773.558.430           | 338.818.556.299           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br>(440 = 300 + 400)               | <b>440</b> |             | <b>18.420.894.327.616</b> | <b>16.068.014.534.678</b> |

Phạm Nguyễn Kim Ngân  
Người lập biểu

Lý Huỳnh Trúc Giang  
Kế toán trưởng

Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                                |           |             |                        |                        |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                                      | 01        | VI.1        | 25.594.418.918         | 102.977.663.582        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                                                | 02        |             | -                      | -                      |
| 3. <b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>                                                       | <b>10</b> |             | <b>25.594.418.918</b>  | <b>102.977.663.582</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                                            | 11        | VI.2        | 17.184.892.256         | 108.890.846.034        |
| 5. <b>Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>                    | <b>20</b> |             | <b>8.409.526.662</b>   | <b>(5.913.182.452)</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                                               | 21        | VI.3        | 1.650.767.852.896      | 1.689.276.913.120      |
| 7. Chi phí tài chính                                                                           | 22        | VI.4        | 1.247.334.339.908      | 1.278.801.054.054      |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                                    | 23        |             | 778.416.134.112        | 1.007.419.813.028      |
| 8. Chi phí bán hàng                                                                            | 25        |             | -                      | 33.000.000             |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                                | 26        | VI.5        | 56.577.603.059         | 62.990.964.462         |
| 10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b><br><b>[30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b> | <b>30</b> |             | <b>355.265.436.591</b> | <b>341.538.712.152</b> |
| 11. Thu nhập khác                                                                              | 31        | VI.6        | 3.963.321.887          | 1.110.973.578          |
| 12. Chi phí khác                                                                               | 32        | VI.7        | 12.615.316.315         | 3.389.911.398          |
| 13. <b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>                                                              | <b>40</b> |             | <b>(8.651.994.428)</b> | <b>(2.278.937.820)</b> |
| 14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                                    | <b>50</b> |             | <b>346.613.442.163</b> | <b>339.259.774.332</b> |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                               | 51        | VI.8        | 5.767.164.191          | 309.592.286            |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                                | 52        |             | 72.719.542             | 131.625.747            |
| 17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>                        | <b>60</b> |             | <b>340.773.558.430</b> | <b>338.818.556.299</b> |

  
Phạm Nguyễn Kim Ngân  
Người lập biểu

  
Lý Huỳnh Trúc Giang  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                        | Mã số     | Năm nay                    | Năm trước                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                               |           |                            |                            |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                         | 01        | 346.613.442.163            | 339.259.774.332            |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                                    |           |                            |                            |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                          | 02        | 4.854.344.474              | 4.040.636.924              |
| Các khoản dự phòng                                                                              | 03        | 225.271.519.609            | (8.419.649.731)            |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                         | 05        | (1.621.822.207.266)        | (1.675.643.534.025)        |
| Chi phí lãi vay, hỗ trợ vốn và chi phí khác liên quan đến các khoản vay và nợ trái phiếu        | 06        | 848.706.632.425            | 1.077.628.057.213          |
| Các khoản điều chỉnh khác                                                                       | 07        | (14.537.875.824)           | -                          |
| 3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                       | 08        | (210.914.144.419)          | (263.134.715.287)          |
| Giảm các khoản phải thu                                                                         | 09        | 165.275.400.454            | 122.513.116.957            |
| Giảm hàng tồn kho                                                                               | 10        | 10.602.469.880             | 92.460.851.705             |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 96.323.915.525             | (29.570.299.309)           |
| Giảm chi phí trả trước                                                                          | 12        | 288.406.623                | 3.146.830.679              |
| Giảm chứng khoán kinh doanh                                                                     | 13        | 111.760.631.138            | 119.546.912.136            |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                             | 14        | (919.064.644.547)          | (1.144.681.475.806)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                               | 15        | (5.873.436.979)            | (13.587.631.119)           |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                          | 17        | (17.890.912.021)           | (12.090.973.934)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                            | <b>20</b> | <b>(769.492.314.346)</b>   | <b>(1.125.397.383.978)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                  |           |                            |                            |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                               | 21        | (6.950.077.709)            | (15.940.314.291)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                            | 22        | -                          | 909.090.909                |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                         | 23        | (6.107.077.900.391)        | (9.414.920.300.180)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                 | 24        | 4.641.271.926.817          | 4.558.345.108.892          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                      | 25        | (2.225.105.840.000)        | (744.031.491.879)          |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                  | 26        | 1.984.621.860.000          | 4.133.581.145.174          |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                          | 27        | 688.190.535.471            | 830.463.059.333            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                | <b>30</b> | <b>(1.025.049.495.812)</b> | <b>(651.593.702.042)</b>   |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                       | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|----------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>             |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31        | 942.961.555.395          | -                        |
| 2. Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư                        | 33        | 7.828.654.402.797        | 10.809.992.421.575       |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay và hợp tác đầu tư                       | 34        | (6.272.779.714.322)      | (8.993.328.988.030)      |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                     | 36        | (471.710.005.550)        | (268.994.839.120)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> | <b>2.027.126.238.320</b> | <b>1.547.668.594.425</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>     | <b>50</b> | <b>232.584.428.162</b>   | <b>(229.322.491.595)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                        | <b>60</b> | <b>73.650.217.788</b>    | <b>302.972.709.383</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>        | <b>70</b> | <b>306.234.645.950</b>   | <b>73.650.217.788</b>    |



**Phạm Nguyễn Kim Ngân**  
Người lập biểu



**Lý Huỳnh Trúc Giang**  
Kế toán trưởng



**Lê Quốc Bình**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302483177 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 41 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 6.254.504.210.000 đồng, chia thành 625.450.421 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: C.I.I.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 42 người và 45 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết; thực hiện huy động và phân phối nguồn vốn giữa các công ty con và công ty liên kết; kinh doanh bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng****Các giao dịch tăng vốn điều lệ**

Trong năm, Công ty đã tiến hành chuyển đổi 22.822.417 trái phiếu CII424002 và 7.291 trái phiếu CII42013 để tăng vốn điều lệ. Số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 228.953.270 cổ phiếu, tương đương tổng giá trị vốn điều lệ tăng thêm là tổng mệnh giá của các trái phiếu chuyển đổi là 2.289.532.700.000 đồng. Toàn bộ số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn tất phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 14%, tương ứng 76.744.738 cổ phiếu được phát hành, tăng vốn điều lệ thêm 767.447.380.000 đồng. Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm đã được niêm yết bổ sung theo quy định (xem *Thuyết minh V.14*).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

*Các giao dịch mua bán, tái cấu trúc doanh nghiệp quan trọng trong năm*

Ngày 06 tháng 12 năm 2025, Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận được thành lập với vốn điều lệ đăng ký hiện nay là 50 tỷ đồng nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tổng vốn đầu tư của Dự án là 36.125,25 tỷ đồng. Nhóm Công ty CII đăng ký góp 55% vốn điều lệ, trong đó Công ty đăng ký góp 20 tỷ đồng (tương đương 40% vốn điều lệ) và Công ty CII Service góp 7,5 tỷ đồng (tương đương 15% vốn điều lệ).

Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tập đoàn thông qua các giao dịch như chuyển nhượng vốn/cổ phiếu các công ty con đang nắm giữ trực tiếp cho các công ty con khác trong tập đoàn, thu hồi vốn đầu tư, tăng/giảm vốn điều lệ tại một số công ty con. Tuy nhiên, những giao dịch này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của tập đoàn trong các công ty con. Mục tiêu của việc tái cấu trúc là để tái cơ cấu danh mục đầu tư mà không ảnh hưởng đến quyền kiểm soát của tập đoàn đối với các công ty con này. Thông tin chi tiết về các giao dịch tái cấu trúc được trình bày tại Thuyết minh V.9. Việc thực hiện tái cấu trúc đã dẫn đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp trong các công ty con như trình bày tại phần cấu trúc doanh nghiệp dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đầu tư trực tiếp

| Tên công ty                                                | Số cuối năm                  |                |                      |                      | Số đầu năm                   |                |                      |                      | Hoạt động chính                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------|----------------------|----------------------|------------------------------|----------------|----------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                            | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Tỷ lệ lợi ích  |                      |                      | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Tỷ lệ lợi ích  |                      |                      |                                                                                                                      |
|                                                            |                              | Tổng tỷ lệ (%) | Sở hữu trực tiếp (%) | Sở hữu gián tiếp (%) |                              | Tổng tỷ lệ (%) | Sở hữu trực tiếp (%) | Sở hữu gián tiếp (%) |                                                                                                                      |
|                                                            |                              |                |                      |                      |                              |                |                      |                      |                                                                                                                      |
| <b>Các công ty con</b>                                     |                              |                |                      |                      |                              |                |                      |                      |                                                                                                                      |
| 1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R") (i)    | 54,84%                       | 54,84%         | 47,81%               | 7,03%                | 54,84%                       | 51,83%         | 3,01%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Đầu tư vào các dự án cầu đường                                                                                       |
| 2. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bấy ("NBB") (ii)         | 79,79%                       | 79,79%         | 21,95%               | 57,84%               | 63,05%                       | 45,90%         | 17,15%               | Tp. Hồ Chí Minh      | Kinh doanh bất động sản                                                                                              |
| 3. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm ("KBTT")             | 100%                         | 100%           | 100%                 | 0,00%                | 100%                         | 100%           | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản |
| 4. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ ("OBI")        | 100%                         | 100%           | 100%                 | 0,00%                | 100%                         | 100%           | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Kinh doanh bất động sản                                                                                              |
| 5. Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII ("CII Invest") (iii) | 100%                         | 100%           | 9,33%                | 90,67%               | 100%                         | 100%           | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Kinh doanh bất động sản                                                                                              |
| 6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu | 96,72%                       | 96,72%         | 96,72%               | 0,00%                | 97,68%                       | 97,68%         | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Đầu tư hạ tầng kỹ thuật                                                                                              |
| 7. Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh             | 95,00%                       | 95,00%         | 95,00%               | 0,00%                | 95,00%                       | 95,00%         | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Kinh doanh bất động sản                                                                                              |
| 8. Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn ("SGBC")                   | 100%                         | 100%           | 100%                 | 0,00%                | 100%                         | 100%           | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Đầu tư hạ tầng kỹ thuật                                                                                              |
| 9. Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận (iv)        | 55,00%                       | 55,00%         | 40,00%               | 15,00%               | 0,00%                        | 0,00%          | 0,00%                | Tp. Hồ Chí Minh      | Đầu tư dự án B.O.T đường cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận                                                                  |
| <b>Công ty liên kết</b>                                    |                              |                |                      |                      |                              |                |                      |                      |                                                                                                                      |
| 1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (v)     | 100%                         | 76,97%         | 49,00%               | 27,97%               | 100%                         | 76,97%         | 27,97%               | Tp. Hồ Chí Minh      | Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội                                                                              |

(i) Công ty đang nắm giữ trực tiếp 47,81% và nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty CII Invest và Công ty CII Service lần lượt 4,99% và 2,04% quyền biểu quyết trong công ty con này.

(ii) Công ty đang nắm giữ trực tiếp 21,95% và nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty CII Invest và Công ty CII Service lần lượt 45,06% và 12,78% quyền biểu quyết trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Đầu tư trực tiếp (tiếp theo)

(iii) Công ty đang nắm giữ trực tiếp 9,33% và nắm giữ gián tiếp 90,67% quyền biểu quyết trong công ty con này thông qua Công ty KBTT (xem thuyết minh dưới đây).

(iv) Công ty đang nắm giữ trực tiếp 40% và nắm giữ gián tiếp 15% quyền biểu quyết trong công ty con này thông qua Công ty Service.

(v) Công ty đang nắm giữ trực tiếp 49% và nắm giữ gián tiếp 51% quyền biểu quyết trong công ty con này thông qua Công ty CII B&R (xem thuyết minh dưới đây).

Đầu tư gián tiếp

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty khác thông qua các công ty con như sau:

| Tên công ty                                                                                   | Số cuối năm                  |                |                      |                              | Số đầu năm           |                |                      |                      | Nơi thành lập và hoạt động       | Hoạt động chính                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------|----------------------|------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                               | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Tỷ lệ lợi ích  |                      | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Tỷ lệ lợi ích        |                |                      |                      |                                  |                                                                         |
|                                                                                               |                              | Tổng tỷ lệ (%) | Sở hữu trực tiếp (%) |                              | Sở hữu gián tiếp (%) | Tổng tỷ lệ (%) | Sở hữu trực tiếp (%) | Sở hữu gián tiếp (%) |                                  |                                                                         |
| Các công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII               |                              |                |                      |                              |                      |                |                      |                      |                                  |                                                                         |
| 1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận                                                 | 89,00%                       | 89,00%         | 0,00%                | 89,00%                       | 89,00%               | 0,00%          | 89,00%               | 89,00%               | Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Đồng Tháp | Đầu tư dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận                 |
| 2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội                                            | 51,00%                       | 27,97%         | 0,00%                | 27,97%                       | 51,00%               | 0,00%          | 27,97%               | 27,97%               | Tp. Hồ Chí Minh                  | Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội                                 |
| 3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận                                                       | 100%                         | 54,84%         | 0,00%                | 54,84%                       | 100%                 | 0,00%          | 54,84%               | 54,84%               | Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Khánh Hòa | Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận           |
| 4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận                                   | 99,99%                       | 54,83%         | 0,00%                | 54,83%                       | 99,99%               | 0,00%          | 54,83%               | 54,83%               | Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Khánh Hòa | Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm |
| 5. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu ("BOTRM")                                                   | 50,36%                       | 27,62%         | 0,00%                | 27,62%                       | 50,36%               | 0,00%          | 27,62%               | 27,62%               | Tỉnh Vĩnh Long                   | Đầu tư dự án B.O.T Cầu Rạch Miễu và nâng cấp Quốc lộ 60                 |
| 6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên                                                               | 50,53%                       | 27,71%         | 0,00%                | 27,71%                       | 50,53%               | 0,00%          | 27,71%               | 27,71%               | Tp. Hồ Chí Minh                  | Đầu tư dự án B.O.T cầu Cổ Chiên                                         |
| 7. Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (tên cũ là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình) | 100%                         | 54,84%         | 0,00%                | 54,84%                       | 99,99%               | 0,00%          | 54,83%               | 54,83%               | Tp. Hồ Chí Minh                  | Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường                                     |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Đầu tư gián tiếp (tiếp theo)

| Tên công ty                                                                      | Số cuối năm                  |                      |                      |                | Số đầu năm                   |                      |                |                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------|------------------------------|----------------------|----------------|---------------------------------|
|                                                                                  | Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%) |                      | Tỷ lệ lợi ích        |                | Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%) |                      | Tỷ lệ lợi ích  |                                 |
|                                                                                  | Tổng tỷ lệ (%)               | Sở hữu trực tiếp (%) | Sở hữu gián tiếp (%) | Tổng tỷ lệ (%) | Sở hữu trực tiếp (%)         | Sở hữu gián tiếp (%) | Tổng tỷ lệ (%) | Nơi thành lập và hoạt động      |
| <b>Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b> |                              |                      |                      |                |                              |                      |                |                                 |
| 1. Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII ("CII Invest")                             | 90,67%                       | 90,67%               | 0,00%                | 90,67%         | 0,00%                        | 0,00%                | 0,00%          | Kinh doanh bất động sản         |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")                              | 96,23%                       | 96,23%               | 0,00%                | 96,23%         | 0,00%                        | 0,00%                | 0,00%          | Thi công xây dựng               |
| <b>Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII</b> |                              |                      |                      |                |                              |                      |                |                                 |
| 1. Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII ("CII Service")                        | 100%                         | 100%                 | 0,00%                | 100%           | 0,00%                        | 0,00%                | 0,00%          | Cung cấp các dịch vụ về hạ tầng |
| 2. Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ ("HTTB")                                    | 100%                         | 100%                 | 0,00%                | 100%           | 0,00%                        | 0,00%                | 0,00%          | Kinh doanh bất động sản         |
| 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bầy ("NBB")                                    | 57,84%                       | 52,45%               | 0,00%                | 52,45%         | 0,00%                        | 0,00%                | 0,00%          | Kinh doanh bất động sản         |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan.

Thông tư 99 chưa được áp dụng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Chứng khoán kinh doanh** (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Giá thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định về mức trích lập của các khoản đầu tư khác. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)***Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác*** (tiếp theo)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phân thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Trình bày thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác***

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được xác định cho mục đích thuyết minh mà không được ghi nhận vào Báo cáo tài chính riêng do quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Theo đó, giá trị hợp lý của các công ty niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các khoản đầu tư còn lại sẽ được xác định giá trị hợp lý theo các phương pháp và cách thức xác định giá trị hợp lý của Công ty dựa trên việc áp dụng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và thông lệ quốc tế về giá trị hợp lý. Trong một số trường hợp, khi thông tin và giao dịch về các khoản đầu tư không có sẵn, giá trị hợp lý sẽ không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Phải thu về cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho***Hàng hóa bất động sản*

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

*Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                           | Số năm |
|---------------------------|--------|
| Bãi đậu xe ô tô           | 30     |
| Phương tiện vận tải       | 7 - 11 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 7  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và các cơ quan chủ quản của Nhà nước. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 3 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và các khu vực tiện ích khác do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là trung tâm thương mại và các khu vực tiện ích khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

|                      | Số năm  |
|----------------------|---------|
| Trung tâm thương mại | 22 - 30 |
| Văn phòng            | 35      |
| Khu vực tiện ích     | 30      |

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dài hạn không trích khấu hao theo quy định hiện hành. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu, phí cam kết rút vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu là các khoản chi phí định kỳ liên quan đến trái phiếu phát hành và được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo thời gian quản lý và lưu ký trái phiếu.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí di dời, sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua – bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

**Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cầu phần nợ (nợ gốc) và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí lãi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với các bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư: khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng thì Công ty được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng khi đáp ứng tất cả năm (5) điều kiện tương tự như trên.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu cho thuê bất động sản*

Doanh thu cho thuê bất động sản bao gồm tiền cho thuê văn phòng, thương mại và các cơ sở hạ tầng khác theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi, hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn và chứng khoán kinh doanh được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Khoản lãi này được ghi nhận vào ngày hoàn thành giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn***Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng*

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Giá vốn bất động sản đầu tư chuyển nhượng bao gồm giá trị còn lại của bất động sản tại thời điểm chuyển nhượng và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch chuyển nhượng.

*Giá vốn dịch vụ đã cung cấp*

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

*Giá vốn cho thuê bất động sản*

Giá vốn cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí khấu hao bất động sản và các chi phí liên quan trực tiếp khác tới việc cho thuê bất động sản.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Hoạt động hợp tác kinh doanh**

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND     |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 240.009.937            | 162.309.505           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 292.794.636.013        | 73.487.908.283        |
| Các khoản tương đương tiền      | 13.200.000.000         | -                     |
| <b>Cộng</b>                     | <b>306.234.645.950</b> | <b>73.650.217.788</b> |

**2. Phải thu của khách hàng**

|                                                | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu bên liên quan (xem thuyết minh VII.2) | 3.291.393.675.054        | 3.415.738.180.157        |
| Khách hàng nhận chuyển nhượng bất động sản     | 39.947.187.630           | 38.527.144.562           |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>3.331.340.862.684</b> | <b>3.454.265.324.719</b> |

Số dư phải thu bên liên quan thể hiện khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII (sau đây gọi tắt là "CII Invest") tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư. Thực hiện theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 99/NQ-HĐQT (NK 2022-2027) ngày 25 tháng 10 năm 2024 về chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư trong tập đoàn, Công ty mẹ đã thực hiện chuyển nhượng một số khoản đầu tư cho CII Invest. Khoản tiền chuyển nhượng chưa thu hồi được hưởng lãi 7,00%/năm theo thỏa thuận giữa hai bên.

**3. Phải thu về cho vay (hỗ trợ vốn) ngắn hạn**

|                                                         | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|---------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.2)               | 6.663.889.091.823        | 5.292.278.767.672        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)            | 316.542.062.117          | 217.834.365.923          |
| Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (ii) | 286.659.591.031          | 258.204.651.481          |
| Công ty TNHH Tasco Land (iii)                           | 239.700.000.000          | 239.700.000.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành                       | -                        | 92.875.021.087           |
| Phải thu các đối tượng khác                             | -                        | 61.745.387.038           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>7.506.790.744.971</b> | <b>6.162.638.193.201</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**3. Phải thu về cho vay (hỗ trợ vốn) ngắn hạn** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư phải thu về cho vay cuối năm với các bên liên quan như sau:

- Số dư phải thu Công ty CII Invest, bao gồm:
  - Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng ký ngày 11 tháng 12 năm 2024 cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty CII Invest. Thời hạn của hợp đồng đến ngày 11 tháng 11 năm 2026, lãi suất được áp dụng trong năm là 6%/năm, lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn. Số dư cuối năm là 3.272.719.263.954 đồng.
  - Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng ký ngày 17 tháng 12 năm 2024 cho mục đích mua lại trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội phát hành với số tiền tối đa là 550 tỷ đồng. Thời hạn của hợp đồng đến ngày 07 tháng 11 năm 2033 hoặc khi Công ty có nhu cầu sử dụng vốn. Lãi suất được áp dụng trong năm khoảng 10%/năm. Số dư cuối năm là 526.055.002.118 đồng.
- Các khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy ("Công ty NBB") để thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng kết hợp Khu dân cư De Lagi và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty NBB. Thời hạn của hợp đồng hợp tác là đến ngày 20 tháng 3 năm 2026, lãi suất áp dụng trong năm là 12%/năm. Số dư cuối năm là 1.098.404.000.000 đồng.
- Khoản hợp tác với Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ ("OBI") để thực hiện tái cấu trúc tài chính của Công ty OBI. Thời hạn của hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2040 hoặc khi Công ty có nhu cầu sử dụng vốn, lãi suất áp dụng trong năm là 6%/năm. Số dư cuối năm là 718.550.000.000 đồng.
- Các khoản hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII để thi công các công trình xây dựng. Thời hạn hợp đồng dưới 12 tháng, lãi suất áp dụng trong năm dao động từ 8%/năm đến 10%/năm. Số dư cuối năm là 501.037.036.863 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm với thời gian thu hồi là 12 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 6%/năm. Số dư cuối năm là 328.965.210.469 đồng.
- Các khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII với thời gian thu hồi từ 1 năm đến 3 năm hoặc khi Công ty có nhu cầu sử dụng vốn. Lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm. Số dư cuối năm là 218.158.578.419 đồng.

Thông tin bổ sung cho số dư phải thu một số công ty bên ngoài tập đoàn:

(i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 48 tháng kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2024. Lãi suất áp dụng trong năm là 12%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng phần vốn góp và các lợi ích khác của Tuấn Lộc trong một doanh nghiệp dự án BOT.

(ii) Số dư thể hiện khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ ngày 26 tháng 1 năm 2018. Lãi suất áp dụng trong năm là 10,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng phần vốn và các lợi ích khác của Công ty Khánh An trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

(iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH Tasco Land ("Tasco Land") theo hợp đồng ký ngày 26 tháng 12 năm 2024. Lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng cổ phần một số công ty thuộc sở hữu của Tasco Land.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

|                                                                                        | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                                                     |                          |                          |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia                                                          | 544.650.853.731          | 474.495.943.683          |
| Lãi phải thu từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn | 539.674.173.123          | 276.076.581.490          |
| Vốn góp hợp tác đầu tư (i)                                                             | 238.302.118.329          | 1.095.643.772.172        |
| Các khoản phải thu khác                                                                | 110.358.978.613          | 279.359.761.973          |
| <b>Cộng</b>                                                                            | <b>1.432.986.123.796</b> | <b>2.125.576.059.318</b> |
| <b>b. Dài hạn</b>                                                                      |                          |                          |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược                                                      | 6.733.000.000            | 6.796.465.900            |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                       | <b>1.439.719.123.796</b> | <b>2.132.372.525.218</b> |
| Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.2</i> )           | 1.328.736.592.296        | 1.746.740.803.309        |

(i) Số dư thể hiện khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("TLMT") theo hợp đồng ký ngày 25 tháng 12 năm 2023 để đầu tư vào Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Lãi suất áp dụng trong năm là 10,5%/năm và được thanh toán vào ngày đáo hạn. Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng quyền chọn mua với Công ty CII Invest về việc chuyển nhượng khoản hợp tác đầu tư này. Thời hạn hợp đồng quyền chọn mua được gia hạn đến ngày 18 tháng 11 năm 2026. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giao dịch chuyển nhượng chưa được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

| 5. Nợ xấu              | Số cuối năm     |                               | Số đầu năm       |                  |
|------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------|------------------|
|                        | Nợ gốc<br>VND   | Giá trị có thể thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND  | Nợ gốc<br>VND    |
|                        | 363.468.824.390 | 350.972.774.585               | (12.496.049.805) | 56.717.669.501   |
| Phải thu ngắn hạn khác |                 |                               |                  | 35.502.757.957   |
|                        |                 |                               |                  | (21.214.911.544) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

|                                       | Năm nay<br>VND   | Năm trước<br>VND |
|---------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                         | (21.214.911.544) | (21.214.911.544) |
| Trích lập dự phòng trong năm          | (9.198.251.363)  | -                |
| Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi (i) | 17.522.530.978   | -                |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm          | 394.582.124      | -                |
| Số dư cuối năm                        | (12.496.049.805) | (21.214.911.544) |

(i) Trong năm, Công ty thực hiện xóa các khoản nợ phải thu khó đòi đã kéo dài nhiều năm và đã được trích lập dự phòng 100%. Việc xóa nợ đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 53/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**6. Tài sản cố định hữu hình**

|                               | Bãi đầu xe ô tô<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị dụng<br>cụ quản lý<br>VND | Cộng<br>VND           |
|-------------------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                        |                               |                                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | 61.665.529.415         | 1.183.185.370                 | 211.946.400                        | 63.060.661.185        |
| Tăng khác (i)                 | 13.170.937.505         | -                             | -                                  | 13.170.937.505        |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>74.836.466.920</b>  | <b>1.183.185.370</b>          | <b>211.946.400</b>                 | <b>76.231.598.690</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                        |                               |                                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | 3.323.303.251          | 1.183.185.370                 | 211.946.400                        | 4.718.435.021         |
| Khấu hao trong năm            | 2.565.327.233          | -                             | -                                  | 2.565.327.233         |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>5.888.630.484</b>   | <b>1.183.185.370</b>          | <b>211.946.400</b>                 | <b>7.283.762.254</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                        |                               |                                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | 58.342.226.164         | -                             | -                                  | 58.342.226.164        |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>68.947.836.436</b>  | <b>-</b>                      | <b>-</b>                           | <b>68.947.836.436</b> |

(i) Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng giá trị bãi đầu xe ô tô sau khi được quyết toán.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và đầu năm là 1.395.131.770 đồng.

**7. Tài sản cố định vô hình**

|                               | Quyền thu phí<br>giao thông<br>VND | Phần mềm<br>vi tính<br>VND | Cộng<br>VND              |
|-------------------------------|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                    |                            |                          |
| Số dư đầu năm                 | 1.058.840.204.896                  | 180.000.000                | 1.059.020.204.896        |
| Mua trong năm                 | -                                  | 60.000.000                 | 60.000.000               |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>1.058.840.204.896</b>           | <b>240.000.000</b>         | <b>1.059.080.204.896</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                    |                            |                          |
| Số dư đầu năm                 | 1.058.840.204.896                  | 140.000.000                | 1.058.980.204.896        |
| Khấu hao trong năm            | -                                  | 40.000.000                 | 40.000.000               |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>1.058.840.204.896</b>           | <b>180.000.000</b>         | <b>1.059.020.204.896</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                    |                            |                          |
| Số dư đầu năm                 | -                                  | 40.000.000                 | 40.000.000               |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>-</b>                           | <b>60.000.000</b>          | <b>60.000.000</b>        |

Quyền thu phí giao thông là quyền thu phí tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc mới. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**8. Bất động sản đầu tư**

|                               | Trung tâm<br>thương mại<br>VND | Nhà văn phòng<br>VND  | Khu vực<br>tiện ích khác<br>VND | Cộng<br>VND           |
|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                |                       |                                 |                       |
| Số dư đầu năm                 | 13.644.355.362                 | 36.489.256.576        | 18.779.225.165                  | 68.912.837.103        |
| Tăng trong năm                | -                              | 200.000.000           | -                               | 200.000.000           |
| Tăng khác (i)                 | -                              | -                     | 1.855.965.347                   | 1.855.965.347         |
| Giảm khác (i)                 | (3.859.813.305)                | -                     | -                               | (3.859.813.305)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>9.784.542.057</b>           | <b>36.689.256.576</b> | <b>20.635.190.512</b>           | <b>67.108.989.145</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                |                       |                                 |                       |
| Số dư đầu năm                 | 823.889.961                    | 1.936.381.690         | 1.044.777.487                   | 3.805.049.138         |
| Khấu hao trong năm            | 57.729.150                     | 1.589.965.568         | 601.322.523                     | 2.249.017.241         |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>881.619.111</b>             | <b>3.526.347.258</b>  | <b>1.646.100.010</b>            | <b>6.054.066.379</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                |                       |                                 |                       |
| Số dư đầu năm                 | 12.820.465.401                 | 34.552.874.886        | 17.734.447.678                  | 65.107.787.965        |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>8.902.922.946</b>           | <b>33.162.909.318</b> | <b>18.989.090.502</b>           | <b>61.054.922.766</b> |

(i) Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng/giảm giá trị bất động sản đầu tư sau khi được quyết toán.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá, không có sự suy giảm giá trị so với giá trị ghi sổ tại ngày báo cáo của những tài sản này.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động phát sinh trong năm liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

|                                                                                                    | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ cho thuê bất động sản                                                                  | 6.198.320.066        | 6.170.780.117        |
| Chi phí hoạt động, kinh doanh trực tiếp của bất động sản đầu tư tạo ra thu nhập cho thuê trong năm | 2.262.845.156        | 2.428.001.424        |
| <b>Lợi nhuận từ cho thuê bất động sản</b>                                                          | <b>3.935.474.910</b> | <b>3.742.778.693</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**9. Đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

|                                             | Số cuối năm |                | Số đầu năm            |                 |
|---------------------------------------------|-------------|----------------|-----------------------|-----------------|
|                                             | Số lượng    | Giá gốc<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần<br>Tasco (mã: HUT) |             | -              | -                     |                 |
| Đầu tư các chứng khoán khác                 |             | -              | -                     |                 |
| <b>Tổng cộng</b>                            |             | -              | -                     |                 |

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản chứng khoán kinh doanh như sau:

|                              | Năm nay<br>VND          | Năm trước<br>VND        |
|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Số dư đầu năm</b>         | <b>(16.114.007.638)</b> | <b>(17.256.042.091)</b> |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | 16.114.007.638          | 1.142.034.453           |
| <b>Số dư cuối năm</b>        | <b>-</b>                | <b>(16.114.007.638)</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**9. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)

**b. Đầu tư vào công ty con**

|                        | Số lượng<br>Cổ phần | Số cuối năm              |                          | Số đầu năm               |                 | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
|------------------------|---------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
|                        |                     | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND          | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND |                       |                       |
| Công ty TNHH MTV Khu   |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Bắc Thủ Thiêm (i)      |                     | 1.465.000.000.000        | (222.954.571.944)        | 340.000.000.000          | -               |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Cầu đường CII (ii)     | 101.416.426         | 1.221.050.811.067        | -                        | 5.283.795.794.600        | 99.955.842      | 1.220.461.414.811     | 6.836.979.592.800     |
| Công ty TNHH Đầu tư    |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Cao ốc Điện Biên Phủ   |                     | 200.000.000.000          | -                        | 200.000.000.000          | -               |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| và Xây dựng Cầu đường  |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Bình Triệu (iii)       | 1.667.134           | 23.798.312.650           | -                        | 33.997.589.500           | -               |                       |                       |
| Công ty TNHH BOT Cao   |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Tốc Sài Gòn Mỹ Thuận   |                     | 20.000.000.000           | -                        | -                        | -               |                       |                       |
| Công ty TNHH MTV Cầu   |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Sài Gòn                |                     | 1.737.886.047            | -                        | 1.737.886.047            | -               |                       |                       |
| Công ty TNHH Đô thị    |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| xanh Sài Gòn Long      |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Khánh                  |                     | 65.000.000               | -                        | 65.000.000               | -               |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| Năm Bảy Bảy (iv)       |                     | -                        | -                        | 898.577.844.720          | -               | 1.039.019.903.200     |                       |
| Công ty TNHH Thương    |                     |                          |                          |                          |                 |                       |                       |
| mại Đầu tư CII (v)     |                     | -                        | -                        | 251.300.000.000          | -               |                       |                       |
| <b>Cộng</b>            |                     | <b>2.931.652.009.764</b> | <b>(222.954.571.944)</b> | <b>2.946.139.735.078</b> | <b>-</b>        |                       |                       |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**9. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)

**c. Đầu tư vào công ty liên kết**

|                                                 | Số cuối năm         |                          |                 | Số đầu năm            |                     |                        |
|-------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|------------------------|
|                                                 | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội | 90.648.000          | 906.480.000.000          | -               | -                     | 90.648.000          | 906.480.000.000        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (iv)         | 21.984.332          | 429.688.324.046          | -               | -                     | -                   | -                      |
| <b>Cộng</b>                                     |                     | <b>1.336.168.324.046</b> | <b>-</b>        |                       |                     | <b>906.480.000.000</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                             | Số cuối năm         |                        |                         | Số đầu năm            |                     |                       |                         |                       |
|---------------------------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                             | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Công ty TNHH Thương<br>mại Đầu tư CII (v)   |                     | 210.000.000.000        | (9.232.703.940)         |                       |                     | -                     | -                       |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu<br>tư Xây dựng Phú Mỹ   | 2.970.000           | 29.700.000.000         | (16.688.430.000)        | 13.011.570.000        | 2.970.000           | 29.700.000.000        | (16.688.430.000)        | 13.011.570.000        |
| Công ty Cổ phần Du<br>lich Mê Kông - Mỹ Tho | 500.000             | 5.000.000.000          | (5.000.000.000)         |                       | 500.000             | 5.000.000.000         | (5.000.000.000)         |                       |
| Các đơn vị khác                             |                     | 322.989.350            | -                       |                       |                     | 322.989.350           | -                       |                       |
| <b>Cộng</b>                                 |                     | <b>245.022.989.350</b> | <b>(30.921.133.940)</b> |                       |                     | <b>35.022.989.350</b> | <b>(21.688.430.000)</b> |                       |

Tính hình biến động dự phòng đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác như sau:

|                              | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND        |
|------------------------------|--------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm                |                          |                         |
| Trích lập dự phòng trong năm | (21.688.430.000)         | (21.688.430.000)        |
| <b>Số dư cuối năm</b>        | <b>(253.875.705.884)</b> | <b>(21.688.430.000)</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**9. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung về các giao dịch tái cấu trúc quan trọng diễn ra trong năm**

(i) Trong năm, Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 340 tỷ đồng lên 1.465 tỷ đồng. Đến ngày 21 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào công ty con này.

(ii) Trong năm, Công ty CII B&R đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.928.547.650.000 đồng lên 2.121.303.080.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Công ty đã thực hiện quyền mua cổ phần theo tỷ lệ được phân bổ.

Từ ngày 23 tháng 4 năm 2025 đến ngày 17 tháng 12 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 6.550.000 cổ phiếu Công ty CII B&R cho Công ty CII Invest và CII Service với tổng giá trị là 350.535.000.000 đồng. Sau giao dịch chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong CII B&R là 47,81% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CII Invest và CII Service lần lượt là 4,99% và 2,04%.

(iii) Ngày 01 tháng 12 năm 2025, Công ty thực hiện thu hồi vốn đầu tư trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu với số tiền là 7.144.860.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty con này giảm từ 24.381.200.000 đồng xuống còn 17.236.340.000 đồng, Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu giảm từ 97,68% xuống còn 96,72%.

(iv) Từ ngày 08 tháng 01 năm 2025 đến ngày 21 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 23.990.000 cổ phiếu Công ty NBB cho Công ty CII Invest với tổng giá trị là 507.942.000.000 đồng. Sau giao dịch chuyển nhượng và mua thêm cổ phiếu NBB tại các công ty con, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong NBB là 21,95% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CII Invest và Công ty CII Service lần lượt là 45,06% và 12,78%.

(v) Trong năm, Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII đã tăng vốn điều lệ từ 251,3 tỷ đồng lên 2.251,3 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn góp trong Công ty con này cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm, hiện giữ lại 210 tỷ đồng vốn góp, tương đương 9,33% vốn điều lệ.

**e. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

|                    | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 1.431.367.927.447  | 136.478.126.421   |

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng, với lãi suất dao động từ 2,9%/năm đến 6,4%/năm. Toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được Công ty sử dụng để cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay và nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh V.12).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**9. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Thông tin các khoản đầu tư được sử dụng làm tài sản đảm bảo**

Phần vốn góp trong các công ty con đã được cầm cố, sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con, công ty liên kết bao gồm:

| Tên Công ty                              | Giá trị vốn góp          |                        |
|------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
|                                          | Số cuối năm              | Số đầu năm             |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm       | 1.465.000.000.000        | 340.000.000.000        |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII       | 210.000.000.000          | -                      |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ | 200.000.000.000          | 200.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>1.875.000.000.000</b> | <b>540.000.000.000</b> |

Số lượng cổ phiếu đã được cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con, công ty liên kết bao gồm:

| Tên Công ty                                     | Số lượng cổ phiếu  |                    |
|-------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                 | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII            | 101.405.842        | 99.955.842         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy              | 21.984.332         | 45.974.332         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội | 90.648.000         | 90.648.000         |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>214.038.174</b> | <b>236.578.174</b> |

**10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

|                    | Số đầu năm<br>VND | Số phải nộp<br>trong năm<br>VND | Số đã thực<br>nộp trong năm<br>VND | Số cuối năm<br>VND   |
|--------------------|-------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| <b>a. Phải thu</b> |                   |                                 |                                    |                      |
| Thuế TNDN          | -                 | -                               | 73.121.184                         | 73.121.184           |
| Các loại thuế khác | 6.825.578         | 6.825.578                       | -                                  | -                    |
| <b>Cộng</b>        | <b>6.825.578</b>  | <b>6.825.578</b>                | <b>73.121.184</b>                  | <b>73.121.184</b>    |
| <b>b. Phải nộp</b> |                   |                                 |                                    |                      |
| Thuế TNDN          | 33.151.604        | 5.767.164.191                   | 5.800.315.795                      | -                    |
| Thuế TNCN          | -                 | 31.711.758.939                  | 30.107.666.410                     | 1.604.092.529        |
| Thuế nhà thầu      | -                 | 3.211.487.987                   | 3.211.487.987                      | -                    |
| Các loại thuế khác | -                 | 9.954.196.238                   | 9.954.196.238                      | -                    |
| <b>Cộng</b>        | <b>33.151.604</b> | <b>50.644.607.355</b>           | <b>49.073.666.430</b>              | <b>1.604.092.529</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**11. Phải trả khác**

|                                                                              | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                                           |                          |                          |
| Phải trả chi phí lãi vay và các khoản chi phí hợp tác kinh doanh             | 243.972.109.006          | 194.136.957.935          |
| Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh (i)                                          | 55.112.000.000           | 24.492.000.000           |
| Quỹ bảo trì chung cư                                                         | 18.734.390.080           | 18.329.892.771           |
| Cổ tức phải trả                                                              | 4.745.852.556            | 163.986.347.606          |
| Các khoản phải trả khác                                                      | 25.023.920.665           | 20.294.067.574           |
| <b>Cộng</b>                                                                  | <b>347.588.272.307</b>   | <b>421.239.265.886</b>   |
| <b>b. Dài hạn</b>                                                            |                          |                          |
| Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh (i)                                          | 1.952.378.000.000        | 1.982.998.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                                                             | <b>2.299.966.272.307</b> | <b>2.404.237.265.886</b> |
| Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.2</i> ) | 2.129.102.034.500        | 2.079.029.575.442        |

(i) Số dư cuối năm thể hiện các khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ Công ty NBB, bao gồm:

- Khoản nhận góp vốn với giá trị 1.150.000.000.000 đồng để hợp tác kinh doanh phát triển dự án bất động sản đầu tư Công ty đang kiểm soát. Trong suốt thời gian hợp tác kinh doanh, Công ty là bên nắm quyền khai thác và vận hành dự án. NBB sẽ được phân chia lợi ích theo thỏa thuận hợp đồng; và
- Khoản nhận 857.490.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia của dự án Xa lộ Hà Nội với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Theo hợp đồng, NBB sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

Các khoản vốn góp hợp tác kinh doanh với Công ty NBB được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                          | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm                       | 55.112.000.000           | 24.492.000.000           |
| Trong năm thứ hai                        | 42.870.000.000           | 30.620.000.000           |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm            | 786.210.000.000          | 527.784.000.000          |
| Sau năm năm                              | 1.123.298.000.000        | 1.424.594.000.000        |
|                                          | <b>2.007.490.000.000</b> | <b>2.007.490.000.000</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới | (55.112.000.000)         | (24.492.000.000)         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>1.952.378.000.000</b> | <b>1.982.998.000.000</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**12. Vay và nợ thuế tài chính**

**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

|                                                                        | Số cuối năm              |                                    | Phát sinh trong năm      |                          | Số đầu năm               |                                    |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------|
|                                                                        | Giá trị ghi sổ VND       | Giá trị có khả năng thanh toán VND | Tăng trong năm VND       | Thanh toán trong năm VND | Giá trị ghi sổ VND       | Giá trị có khả năng thanh toán VND |
| Vay các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.2)                          | 1.412.567.377.800        | 1.412.567.877.800                  | 7.071.932.761.028        | 7.087.679.608.966        | 1.428.314.725.738        | 1.428.314.725.738                  |
| Vay các ngân hàng thương mại                                           | 1.224.800.000.000        | 1.224.800.000.000                  | 1.274.800.000.000        | 1.822.000.000.000        | 1.772.000.000.000        | 1.772.000.000.000                  |
| Vay các cá nhân và tổ chức khác                                        | 60.400.000.000           | 60.400.000.000                     | 43.850.000.000           | 15.386.000.000           | 31.936.000.000           | 31.936.000.000                     |
| Vay các công ty chứng khoán                                            | -                        | -                                  | 928.710.896.727          | 943.309.587.385          | 14.598.690.658           | 14.598.690.658                     |
| Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)            | 231.980.584.458          | 231.980.584.458                    |                          |                          | 199.209.286.992          | 199.209.286.992                    |
| Mệnh giá trái phiếu thường đến hạn (xem Thuyết minh b)                 | 588.000.000.000          | 588.000.000.000                    |                          |                          | 180.000.000.000          | 180.000.000.000                    |
| Chi phí phát hành trái phiếu thường đến hạn (xem Thuyết minh b)        | (10.356.681.328)         |                                    |                          |                          | (7.676.181.328)          |                                    |
| Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi đến hạn (xem Thuyết minh V.18) | (106.180.475)            |                                    |                          |                          | -                        |                                    |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>3.507.285.600.455</b> | <b>3.517.748.462.258</b>           | <b>9.319.293.657.755</b> | <b>9.868.375.196.351</b> | <b>3.618.382.522.060</b> | <b>3.626.058.703.388</b>           |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn** (tiếp theo)

| Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn |                 |              |              |              |                                                                                                                              |                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bên cho vay                                  | Số dư           | Thời hạn vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất vay | Mục đích vay                                                                                                                 | Tài sản đảm bảo                                                                                                                        |
| Ngân hàng VIB                                | 249.800.000.000 | 12 tháng     | 27/06/2026   | 7,70%        | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công các gói thầu mà Công ty CII E&C đang thực hiện                            | 8.100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (LGC) và hợp đồng tiền gửi trị giá 5 tỷ đồng                               |
|                                              | 250.000.000.000 | 12 tháng     | 20/03/2026   | 8,00%        | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi                   | 8.400.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (LGC) và hợp đồng tiền gửi trị giá 10 tỷ đồng                              |
|                                              | 150.000.000.000 | 12 tháng     | 30/01/2026   | 6,50%        | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công các gói thầu thuộc dự án Xây dựng đường trục trung tâm Thành phố Biên Hòa | Trái phiếu phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trị giá 150 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty và Công ty con của Công ty   |
| Ngân hàng Vietinbank                         | 140.000.000.000 | 12 tháng     | 17/11/2026   | 4,60%        | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi                   | Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 140 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội |
|                                              | 285.000.000.000 | 12 tháng     | 27/03/2026   | 4,65%        | Bổ sung vốn lưu động                                                                                                         | Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với tổng giá trị 285 tỷ đồng                                                                   |
| Ngân hàng Vietcombank                        | 100.000.000.000 | 12 tháng     | 21/04/2026   | 8,30%        | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công các gói thầu mà Công ty CII E&C đang thực hiện                            | 4.150.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (LGC) thuộc sở hữu của Công ty CII Invest                                  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn** (tiếp theo)

| Bên cho vay                                    | Số dư                    | Thời hạn vay  | Ngày đáo hạn      | Lãi suất vay   | Mục đích vay                                                                                               | Tài sản đảm bảo                                                 |
|------------------------------------------------|--------------------------|---------------|-------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng Viet Capital Bank                    | 50.000.000.000           | 12 tháng      | Theo từng khế ước | 9,70%          | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi | 9.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) |
| <b>Tổng vay các ngân hàng thương mại</b>       | <b>1.224.800.000.000</b> |               |                   |                |                                                                                                            |                                                                 |
| Các bên liên quan, các công ty và cá nhân khác | 1.472.967.877.800        | Dưới 12 tháng |                   | 7,00% - 12,00% | Bổ sung vốn lưu động                                                                                       | Không có tài sản đảm bảo                                        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**12. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)

**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

|                                                                                    | Số cuối năm              |                                          | Phát sinh trong năm      |                                | Số đầu năm               |                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|
|                                                                                    | Giá trị ghi sổ<br>VND    | Giá trị có khả<br>năng thanh toán<br>VND | Tăng trong năm<br>VND    | Thanh toán<br>trong năm<br>VND | Giá trị ghi sổ<br>VND    | Giá trị có khả<br>năng thanh toán<br>VND |
| <b>Các khoản vay</b>                                                               |                          |                                          |                          |                                |                          |                                          |
| Vay các ngân hàng thương mại                                                       | 784.558.666.670          | 784.558.666.670                          | 320.000.000.000          | 61.301.057.602                 | 525.859.724.272          | 525.859.724.272                          |
| Vay các cá nhân và tổ chức<br>khác                                                 | 198.955.409.458          | 198.955.409.458                          | 76.613.840.068           | 58.500.000.000                 | 180.841.569.390          | 180.841.569.390                          |
| Vay các bên liên quan<br>(xem <i>Thuyết minh VII.2</i> )                           | 65.000.000.000           | 65.000.000.000                           | 26.100.000.000           | 16.100.000.000                 | 55.000.000.000           | 55.000.000.000                           |
| Trừ: Số phải trả trong<br>12 tháng tới                                             | (231.980.584.458)        | (231.980.584.458)                        |                          |                                | (199.209.286.992)        | (199.209.286.992)                        |
|                                                                                    | <b>816.533.491.670</b>   | <b>816.533.491.670</b>                   | <b>422.713.840.068</b>   | <b>135.901.057.602</b>         | <b>562.492.006.670</b>   | <b>562.492.006.670</b>                   |
| <b>Trái phiếu phát hành</b>                                                        |                          |                                          |                          |                                |                          |                                          |
| Trái phiếu CI1012029_G                                                             | 1.024.631.456.022        | 1.035.000.000.000                        | 3.456.181.328            | -                              | 1.021.175.274.694        | 1.035.000.000.000                        |
| Trái phiếu CI1B2426001                                                             | 299.737.500.000          | 300.000.000.000                          | 350.000.000              | -                              | 299.387.500.000          | 300.000.000.000                          |
| Trái phiếu CI1B2427001                                                             | 297.525.000.000          | 300.000.000.000                          | 1.650.000.000            | -                              | 295.875.000.000          | 300.000.000.000                          |
| Trái phiếu CI112502                                                                | 295.140.000.000          | 300.000.000.000                          | 295.140.000.000          | -                              | -                        | -                                        |
| Trái phiếu CI112503                                                                | 275.160.000.000          | 280.000.000.000                          | 275.160.000.000          | -                              | -                        | -                                        |
| Trái phiếu CI1H2427002                                                             | 198.250.000.000          | 200.000.000.000                          | 1.000.000.000            | -                              | 197.250.000.000          | 200.000.000.000                          |
| Trái phiếu CI112501                                                                | 196.760.000.000          | 200.000.000.000                          | 196.760.000.000          | -                              | -                        | -                                        |
| Trái phiếu CI1H2427004                                                             | 106.740.000.000          | 108.000.000.000                          | 720.000.000              | -                              | 106.020.000.000          | 108.000.000.000                          |
| Trái phiếu CI1H2427003                                                             | 99.125.000.000           | 100.000.000.000                          | 500.000.000              | -                              | 98.625.000.000           | 100.000.000.000                          |
| Trái phiếu CI112504                                                                | -                        | -                                        | -                        | -                              | -                        | -                                        |
| Trừ: Mệnh giá trái phiếu đến<br>hạn trong 12 tháng tới                             | (588.000.000.000)        | (588.000.000.000)                        |                          |                                | (180.000.000.000)        | (180.000.000.000)                        |
| Cộng: Chi phí phát hành trái<br>phiếu kết chuyển vào chi phí<br>trong 12 tháng tới | 10.356.681.328           |                                          |                          |                                |                          |                                          |
|                                                                                    | <b>2.215.425.637.350</b> | <b>2.235.000.000.000</b>                 | <b>774.736.181.328</b>   | <b>-</b>                       | <b>1.846.008.956.022</b> | <b>1.863.000.000.000</b>                 |
| <b>Cộng vay và trái phiếu</b>                                                      | <b>3.031.959.129.020</b> | <b>3.051.533.491.670</b>                 | <b>1.197.450.021.396</b> | <b>135.901.057.602</b>         | <b>2.408.500.962.692</b> | <b>2.425.492.006.670</b>                 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:***Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn*

|                                          | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND      |
|------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm                       | 231.980.584.458          | 199.209.286.992        |
| Trong năm thứ hai                        | 119.427.666.670          | 71.648.000.000         |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm            | 320.683.000.000          | 403.910.666.670        |
| Sau năm năm                              | 376.422.825.000          | 86.933.340.000         |
|                                          | <b>1.048.514.076.128</b> | <b>761.701.293.662</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới | (231.980.584.458)        | (199.209.286.992)      |
| <b>Cộng</b>                              | <b>816.533.491.670</b>   | <b>562.492.006.670</b> |

*Lịch thanh toán trái phiếu*

|                                                                   | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm                                                | 588.000.000.000          | 180.000.000.000          |
| Trong năm thứ hai                                                 | 592.500.000.000          | 588.000.000.000          |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm                                     | 1.642.500.000.000        | 1.275.000.000.000        |
|                                                                   | <b>2.823.000.000.000</b> | <b>2.043.000.000.000</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới                          | (588.000.000.000)        | (180.000.000.000)        |
| Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*) | (19.574.362.650)         | (16.991.043.978)         |
| <b>Cộng</b>                                                       | <b>2.215.425.637.350</b> | <b>1.846.008.956.022</b> |

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BÓ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

| Bên cho vay                              | Số dư                  | Thời hạn vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất vay                        | Mục đích vay                                                                                                                            | Tài sản đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng TPBank                         | 200.000.000.000        | 10 năm       | 10/03/2035   | 9,00%                               | Hợp tác kinh doanh với Công ty CII E&C để thi công dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi                              | 13.250.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII (LGC); quyền tài sản phát sinh từ dự án khu căn hộ cao tầng NBB II tại Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy                                                                                                                                                 |
|                                          | 186.166.666.670        | 6 năm        | 20/03/2030   | 10,10%                              | Thanh toán khoản hỗ trợ vốn theo Hợp đồng số 30/2018/HĐ-KBTT ngày 01 tháng 6 năm 2018 với Công ty TNHH Một thành viên Khu Bắc Thủ Thiêm |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Ngân hàng Vietinbank                     | 282.392.000.000        | 64 tháng     | 18/05/2029   | Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,5% | Thực hiện góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty NBB để đầu tư phát triển dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi           | 5.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII (LGC); quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42/2023/HD-CII ngày 13/12/2023 với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy; trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành với tổng giá trị là 525 tỷ đồng; quyền tài sản phát sinh Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi |
| Ngân hàng Vietcombank                    | 116.000.000.000        | 10 năm       | 01/07/2035   | 8,35%                               | Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận để thực hiện Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1         | Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác số 46/HĐHT/BOT TLMT-CII ngày 25/12/2023 với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận; Vốn góp của Công ty CII Invest                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Tổng vay các ngân hàng thương mại</b> | <b>784.558.666.670</b> |              |              |                                     |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

12. **Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)
- b. **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

| Bên cho vay                                    | Số dư           | Thời hạn vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất vay   | Mục đích vay         | Tài sản đảm bảo          |
|------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|----------------------|--------------------------|
| Các bên liên quan, các công ty và cá nhân khác | 263.955.409.458 | Dưới 6 năm   |              | 7,00% - 12,00% | Bổ sung vốn lưu động | Không có tài sản đảm bảo |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu CI1012029\_G với tổng mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 11.500.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo lãnh thanh toán;
- Ngày phát hành: 31 tháng 01 năm 2019;
- Kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 7,2%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các dự án B.O.T trọng điểm của Công ty;
- Tài sản bảo đảm: tài trợ vốn cho các dự án B.O.T trọng điểm của Công ty;
- Tài sản bảo đảm: Trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd với thời hạn bảo lãnh là 10 năm.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã mua lại 1.150.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 115.000.000.000 đồng.

*Trái phiếu CIIB2426001 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000;
- Trái chủ: Phát hành ra công chúng cho nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 14 tháng 10 năm 2024;
- Kỳ hạn: 02 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Thanh toán trái phiếu CIIB2124002 (mã chứng khoán: CI121029) đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CIIB2427001 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Ngày phát hành: 22 tháng 7 năm 2024;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,85% và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) do Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty.

*Trái phiếu CII12502 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Ngày phát hành: 10 tháng 7 năm 2025;
- Kỳ hạn: 05 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định là 10,25%/năm đối với 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,5% và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 (mười hai) tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan (trong mọi trường hợp lãi suất sẽ không thấp hơn 10%/năm);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII ("CII Invest").

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CII12503 với tổng mệnh giá phát hành là 280 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.800;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty và Công ty con của Công ty;
- Ngày phát hành: 30 tháng 12 năm 2025;
- Kỳ hạn: 05 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định áp dụng cho 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,5%/năm và bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng đối với khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) của 4 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (lãi suất tham khảo áp dụng cho Khu vực thành phố Hà Nội), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vào Ngày Xác Định Lãi Suất cho Kỳ Tính Lãi đó. Nếu Lãi Suất xác định cho bất kỳ kỳ tính lãi nào sau 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên theo công thức mà nhỏ hơn 9,8% (chín phẩy tám phần trăm)/năm thì Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đó được xác định là 9,8% (chín phẩy tám phần trăm)/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty.

*Trái phiếu CIIH2427002 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Ngày phát hành: 17 tháng 10 năm 2024;
- Kỳ hạn: 03 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định là 11%/năm đối với kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,5% và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 (mười hai) tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan (trong mọi trường hợp lãi suất sẽ không thấp hơn 10%/năm);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Thanh toán trái phiếu CIIH2124002 (mã chứng khoán: CII121029) đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CII12501 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Ngày phát hành: 24 tháng 6 năm 2025;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định áp dụng cho 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên là 10,25%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,5%/năm và bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng đối với khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) của 4 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (lãi suất tham khảo áp dụng cho Khu vực thành phố Hà Nội), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vào Ngày Xác Định Lãi Suất cho Kỳ Tính Lãi đó. Nếu Lãi Suất xác định cho bất kỳ kỳ tính lãi nào sau 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên theo công thức mà nhỏ hơn 10% (mười phần trăm)/năm thì Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đó được xác định là 10% (mười phần trăm)/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Góp vốn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Đầu tư CII (CII Invest).

*Trái phiếu CIIH2427004 với tổng mệnh giá phát hành là 108 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.080;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Ngày phát hành: 15 tháng 11 năm 2024;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định là 10%/năm đối với bốn kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,3% và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 (mười hai) tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan (trong mọi trường hợp lãi suất sẽ không thấp hơn 10%/năm);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CIH2427003 với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.000;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản;
- Tài sản đảm bảo: Cổ phiếu của Công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Ngày phát hành: 25 tháng 10 năm 2024;
- Kỳ hạn: 03 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định là 11%/năm đối với kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,5% và Lãi Suất Tham Chiếu với Lãi Suất Tham Chiếu là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 (mười hai) tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan (trong mọi trường hợp Lãi Suất sẽ không thấp hơn 10%/năm);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty.

*Trái phiếu CII12504 với tổng mệnh giá phát hành là 500 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.000;
- Hình thức: Phát hành riêng lẻ;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức tín dụng;
- Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh thanh toán bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong;
- Ngày phát hành: 30 tháng 12 năm 2025;
- Kỳ hạn: 60 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định là 8,5%/năm đối với bốn kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 3% và Lãi Suất Tham Chiếu với Lãi Suất Tham Chiếu là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 (mười hai) tháng do Ngân hàng TMCP Tiên Phong công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan (trong mọi trường hợp Lãi Suất sẽ không thấp hơn 8,5%/năm);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận.

Mặc dù trái phiếu có ngày phát hành là ngày 30 tháng 12 năm 2025, Công ty thực tế nhận được dòng tiền từ đợt phát hành này vào ngày 23 tháng 01 năm 2026 (xem thêm tại thuyết minh VII.5 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

13. Trái phiếu chuyển đổi

|                                                                                    | Số cuối năm           |                                          | Phát sinh trong năm |                   | Số đầu năm            |                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------------|
|                                                                                    | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị có khả năng<br>thanh toán<br>VND | Tăng<br>VND         | Giảm<br>VND       | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị có khả năng<br>thanh toán<br>VND |
|                                                                                    |                       |                                          |                     |                   |                       |                                          |
| Trái phiếu CI425001                                                                | 1.020.866.146.974     | 1.021.730.890.564                        | 1.056.173.701.015   | 35.307.554.041    | -                     | -                                        |
| Trái phiếu CI424002                                                                | 530.705.961.331       | 530.827.200.000                          | 688.761.331         | 2.282.241.700.000 | 2.812.258.900.000     | 2.813.068.900.000                        |
| Trái phiếu CI42013                                                                 | -                     | -                                        | 38.577.722          | 14.994.000.000    | 14.955.422.278        | 14.994.000.000                           |
| Cộng: Chi phí phát hành trái<br>phiếu kết chuyển vào chi phí<br>trong 12 tháng tới | 106.180.475           |                                          |                     |                   | -                     |                                          |
| Cộng                                                                               | 1.551.678.288.780     | 1.552.558.090.564                        | 1.056.901.040.068   | 2.332.543.254.041 | 2.827.214.322.278     | 2.828.062.900.000                        |

Các trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả theo lịch biểu sau

|                                                                      | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm                                                   | -                  | 14.994.000.000    |
| Sau năm năm                                                          | 1.552.558.090.564  | 2.813.068.900.000 |
|                                                                      | 1.552.558.090.564  | 2.828.062.900.000 |
| Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính<br>trong tương lai (*) | (879.801.784)      | (848.577.722)     |
| Cộng                                                                 | 1.551.678.288.780  | 2.827.214.322.278 |

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được phân bổ dần vào chi phí lãi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**13. Trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu CII425001 với tổng mệnh giá phát hành là 2.000.000.000.000 đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 20.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 18 tháng 8 năm 2025;
- Kỳ hạn: 10 năm;
- Ngày đáo hạn trái phiếu: 18 tháng 8 năm 2035;
- Lãi trái phiếu: Lãi suất cố định là 10%/năm đối với 4 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 3,5% và Lãi suất tham chiếu. Lãi suất tham chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi sau và được huy động tại quầy) do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày xác định lãi suất (ngày làm việc thứ 7 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Thời gian chuyển đổi: Chuyển đổi thành 9 (chín) đợt, trong đó đợt chuyển đổi đầu tiên sẽ vào ngày 25 tháng 01 năm 2027. Số lượng trái phiếu thực hiện chuyển đổi từ đợt 1 đến đợt 8 do nhà đầu tư tự quyết định, đối với đợt chuyển đổi 9, nhà đầu tư bắt buộc phải chuyển đổi toàn bộ số trái phiếu đang nắm giữ thành cổ phần phổ thông;
- Giá chuyển đổi: 12.500 (mười hai nghìn năm trăm) VND/cổ phần phổ thông;
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:8 (mỗi trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 8 cổ phần phổ thông);
- Mục đích sử dụng vốn từ trái phiếu:
  - (i) Theo phương án phát hành đã được phê duyệt, trái phiếu sẽ được dùng để thanh toán trước hạn toàn bộ trái phiếu CII012029\_G với số tiền là 1.035.000.000.000 đồng;
  - (ii) Góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII ("CII Invest") với số tiền là 500.000.000.000 đồng;
  - (iii) Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Khu Bắc Thủ Thiêm ("KBTT") với số tiền là 465.000.000.000 đồng.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt giữa giá trị của cấu phần nợ và cấu phần vốn chủ sở hữu lần lượt là 1.057.038.444.605 đồng và 942.961.555.395 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**13. Trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)

**Thông tin bổ sung cho trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)

*Trái phiếu CII424002 (mã cũ CII42301) với tổng mệnh giá phát hành là 2.813.068.900.000 đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 28.130.689;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân bao gồm (1) Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách hưởng quyền mua trái phiếu theo quy định, và (2) cán bộ, nhân viên của Tổ Chức Phát Hành (đối với số lượng trái phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu mà không được mua hết);
- Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 25 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 10 năm;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,5%/năm;
- Thời gian chuyển đổi: 12 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Trái phiếu được phép chuyển đổi vào mỗi đợt trong 10 đợt vào ngày tròn 12 tháng kể từ ngày phát hành với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phần (đợt 2 là ngày tròn 24 tháng và đợt 10 là ngày tròn 120 tháng kể từ ngày phát hành);
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phần phổ thông);
- Thời hạn trả nợ gốc trái phiếu: hoàn trả 1 (một) lần bằng 100% mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn.
- Mục đích sử dụng vốn từ trái phiếu:
  - (i) Đầu tư trái phiếu do Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận, một công ty con trong tập đoàn, hiện là chủ đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, phát hành vào ngày 29 tháng 01 năm 2024 với số tiền là 1.200.000.000.000 đồng;
  - (ii) Đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội, một công ty con trong tập đoàn, hiện là chủ đầu tư dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn, phát hành vào ngày 07 tháng 02 năm 2024 với số tiền là 523.068.900.000 đồng;
  - (iii) Thanh toán trái phiếu CIIB2124001 và trái phiếu CIIB2024009 với số tiền lần lượt là 590.000.000.000 đồng và 500.000.000.000 đồng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã tiến hành đợt chuyển đổi trái phiếu đầu tiên với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 22.822.417 trái phiếu, tương đương tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá là 2.282.241.700.000 đồng, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 228.224.170 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

|                                                                | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần   | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | Quỹ đầu tư phát triển  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                     |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b>                                     | <b>3.183.648.130.000</b>  | <b>354.280.194.318</b> | -                                | <b>250.259.638.067</b> | <b>1.035.226.399.261</b>          | <b>4.823.414.361.646</b> |
| Lợi nhuận trong năm                                            | -                         | -                      | -                                | -                      | 338.818.556.299                   | 338.818.556.299          |
| Chuyển đổi trái phiếu                                          | 13.876.000.000            | -                      | -                                | -                      | -                                 | 13.876.000.000           |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển                                | -                         | -                      | -                                | 19.598.206.843         | (19.598.206.843)                  | -                        |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi                            | -                         | -                      | -                                | -                      | (19.598.206.843)                  | (19.598.206.843)         |
| Chia cổ tức                                                    | -                         | -                      | -                                | -                      | (414.733.376.900)                 | (414.733.376.900)        |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                                       | <b>3.197.524.130.000</b>  | <b>354.280.194.318</b> | -                                | <b>269.857.844.910</b> | <b>920.115.164.974</b>            | <b>4.741.777.334.202</b> |
| Lợi nhuận trong năm                                            | -                         | -                      | -                                | -                      | 340.773.558.430                   | 340.773.558.430          |
| Chuyển đổi trái phiếu                                          | 2.289.532.700.000         | -                      | -                                | -                      | -                                 | 2.289.532.700.000        |
| Phát hành cổ phiếu thường                                      | 767.447.380.000           | (354.280.194.318)      | -                                | (269.857.844.910)      | (143.309.340.772)                 | -                        |
| Quyền chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi phát hành trong năm | -                         | -                      | 942.961.555.395                  | -                      | -                                 | 942.961.555.395          |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển                                | -                         | -                      | -                                | 26.754.731.531         | (26.754.731.531)                  | -                        |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi                            | -                         | -                      | -                                | -                      | (26.754.731.531)                  | (26.754.731.531)         |
| Chia cổ tức                                                    | -                         | -                      | -                                | -                      | (312.469.510.500)                 | (312.469.510.500)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                                      | <b>6.254.504.210.000</b>  | -                      | <b>942.961.555.395</b>           | <b>26.754.731.531</b>  | <b>751.600.409.070</b>            | <b>7.975.820.905.996</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**14. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

|                                              | Số cuối năm<br>Cổ phiếu | Số đầu năm<br>Cổ phiếu |
|----------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành          | 625.450.421             | 319.752.413            |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng | 625.450.421             | 319.752.413            |
| + Cổ phiếu phổ thông                         | 625.450.421             | 319.752.413            |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)  | -                       | -                      |
| + Cổ phiếu phổ thông                         | -                       | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành              | 625.450.421             | 319.752.413            |
| + Cổ phiếu phổ thông                         | 625.450.421             | 319.752.413            |
| Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu       |                         |                        |

**c. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20 tháng 5 năm 2022 đã thông qua việc hủy chi trả 2% cổ tức còn lại của năm 2019 và 12% cổ tức của năm 2020 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần nêu trên với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 76.744.738, tương đương giá trị vốn tăng thêm là 767.447.380.000 đồng.

Cổ tức năm 2023 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21 tháng 5 năm 2024 phê duyệt ở mức 16% và hình thức chia cổ tức là bằng tiền mặt. Đến ngày phát hành Báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã chi trả 02 (hai) đợt cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 7%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 700 đồng), tương đương 376.419.993.100 đồng.

Cổ tức năm 2024 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 18 tháng 4 năm 2025 phê duyệt ở mức 12% và hình thức chia cổ tức là bằng tiền mặt. Trong năm, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức này cho cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                           | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND       |
|-------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu chuyển nhượng bất động sản      | 13.465.488.000        | 90.928.120.000         |
| Doanh thu từ cho thuê bất động sản đầu tư | 6.198.320.066         | 6.170.780.117          |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                | 5.930.610.852         | 5.878.763.465          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>25.594.418.918</b> | <b>102.977.663.582</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG** (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

|                                                | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND       |
|------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn chuyển nhượng bất động sản             | 819.882.225           | 92.803.865.870         |
| Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư | 2.262.845.156         | 2.428.001.424          |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ                       | 14.102.164.875        | 20.936.594.018         |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | -                     | (7.277.615.278)        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>17.184.892.256</b> | <b>108.890.846.034</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                                       | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn, tiền gửi và trái phiếu   | 971.931.121.102          | 954.765.778.832          |
| Lãi thoái vốn công ty con và chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính | 393.365.109.517          | 350.985.252.062          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                           | 273.766.288.124          | 380.023.480.074          |
| Doanh thu tài chính khác                                              | 11.705.334.153           | 3.502.402.152            |
| <b>Cộng</b>                                                           | <b>1.650.767.852.896</b> | <b>1.689.276.913.120</b> |

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan  
(xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)

|                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| 1.464.935.281.402 | 1.158.000.087.153 |
|-------------------|-------------------|

**4. Chi phí tài chính**

|                                                                                          | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí lãi vay, hỗ trợ vốn và chi phí khác liên quan đến các khoản vay và nợ trái phiếu | 848.706.632.425          | 1.077.628.057.213        |
| Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính                                            | 216.073.268.246          | (1.142.034.453)          |
| Chi phí hợp tác kinh doanh                                                               | 126.500.000.000          | 126.500.000.000          |
| Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính                                              | 43.287.929.183           | 49.816.531.356           |
| Các khoản chi phí tài chính khác                                                         | 12.766.510.054           | 25.998.499.938           |
| <b>Cộng</b>                                                                              | <b>1.247.334.339.908</b> | <b>1.278.801.054.054</b> |

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan  
(xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)

|                 |                 |
|-----------------|-----------------|
| 426.089.609.350 | 493.936.240.652 |
|-----------------|-----------------|

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG** (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                                                                                                          | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                                                                                                | 28.388.549.103        | 40.541.083.744        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                                                                                                | 312.267.412           | 255.265.858           |
| Chi phí khấu hao                                                                                                         | 346.642.000           | 50.000.000            |
| Thuế, phí và lệ phí                                                                                                      | 961.635.695           | 904.796.242           |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi                                                                                     | 9.198.251.363         | -                     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                                                                | 11.582.827.308        | 16.478.290.618        |
| Chi phí bằng tiền khác                                                                                                   | 5.787.430.178         | 4.761.528.000         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                              | <b>56.577.603.059</b> | <b>62.990.964.462</b> |
| Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2) | 2.911.525.826         | 2.293.692.407         |

**6. Thu nhập khác**

|                                             | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ các khoản phạt vi phạm hợp đồng | 3.915.617.315        | -                    |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định        | -                    | 909.090.909          |
| Các khoản thu nhập khác                     | 47.704.572           | 201.882.669          |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>3.963.321.887</b> | <b>1.110.973.578</b> |

**7. Chi phí khác**

|                                                                       | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND     |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Giá trị các dự án ngừng triển khai được ghi nhận vào chi phí trong kỳ | 8.594.914.309         | -                    |
| Các khoản lãi chậm nộp thuế                                           | 4.020.119.391         | 3.389.911.398        |
| Các khoản chi phí khác                                                | 282.615               | -                    |
| <b>Cộng</b>                                                           | <b>12.615.316.315</b> | <b>3.389.911.398</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

|                                                                    | Năm nay                         |                                       | Năm trước                       |                                       |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|
|                                                                    | Hoạt động tài chính và khác VND | Hoạt động kinh doanh bất động sản VND | Hoạt động tài chính và khác VND | Hoạt động kinh doanh bất động sản VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                       | 334.347.516.430                 | 12.265.925.733                        | 337.053.684.168                 | 2.206.090.164                         |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:                                 |                                 |                                       |                                 |                                       |
| Cộng: Các khoản chi phí không được trừ                             | (66.199.412.081)                | 1.329.330.086                         | 4.978.604.951                   | -                                     |
| Trừ: Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được mang sang kỳ này | (243.496.425.213)               | -                                     | (66.815.980.786)                | -                                     |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm thu nhập chịu thuế khác         | (28.983.840.945)                | (13.465.488.000)                      | (28.983.840.945)                | -                                     |
| Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế                            | (273.766.288.124)               | -                                     | (380.023.480.074)               | -                                     |
| (Lỗ)/thu nhập chịu thuế                                            | (278.098.449.933)               | 129.767.819                           | (133.791.012.686)               | 2.206.090.164                         |
| Lỗ tính thuế năm trước mang sang                                   | -                               | -                                     | -                               | -                                     |
| Thu nhập tính thuế                                                 | (278.098.449.933)               | 129.767.819                           | (133.791.012.686)               | 2.206.090.164                         |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành                                      | 20%                             | 20%                                   | 20%                             | 20%                                   |
| Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành               | -                               | 25.953.564                            | -                               | 441.218.033                           |
| 1% Thuế TNDN tạm nộp từ tiền thu khách hàng mua bất động sản       | -                               | (72.719.542)                          | -                               | (131.625.747)                         |
| Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước                                 | 5.813.930.169                   | -                                     | -                               | -                                     |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành                                   | 5.813.930.169                   | (46.765.978)                          | -                               | 309.592.286                           |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Cam kết cho thuê hoạt động - Công ty là bên cho thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ký các cam kết cho thuê hoạt động, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các cam kết này như sau:

|                                               | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trong vòng một năm                            | 2.617.791.514         | 3.217.163.652         |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm                | 9.317.272.961         | 10.024.392.557        |
| Sau năm năm                                   | 5.310.774.464         | 7.471.089.500         |
| <b>Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu</b> | <b>17.245.838.939</b> | <b>20.712.645.709</b> |

**2. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

|                                                                    |                          |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                               | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy                                 | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                                 | Công ty con              |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ                           | Công ty con              |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                                 | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu            | Công ty con              |
| Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh                        | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn                                       | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII                               | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII                             | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ                                  | Công ty con              |
| Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận                        | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận                         | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội                    | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận                               | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận           | Công ty con              |
| Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu                                     | Công ty con              |
| Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên                                       | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình                            | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG                                | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII            | Công ty con              |
| Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (i)                                | Công ty con              |
| Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh | Công ty con              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi                       | Công ty con              |
| Công ty TNHH Hương Trà                                             | Công ty con              |
| Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú                            | Công ty liên kết         |
| Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty                     | Nhân sự quản lý chủ chốt |

(i) Ngày 13 tháng 8 năm 2025, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy đã thoái vốn dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi. Do đó, Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

|                                                             | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>                        |                          |                          |
| <b><i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i></b>                   | <b>273.766.288.124</b>   | <b>380.023.480.074</b>   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội             | 158.439.277.724          | 148.252.556.400          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                        | 115.327.010.400          | 52.877.921.000           |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                          | -                        | 66.719.099.192           |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII                      | -                        | 45.382.791.370           |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ                    | -                        | 45.316.554.028           |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                          | -                        | 21.024.558.246           |
| Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn                                | -                        | 449.999.838              |
| <b><i>Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn</i></b> | <b>797.806.977.378</b>   | <b>619.625.468.162</b>   |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                          | 419.557.793.383          | 27.773.488.075           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy                          | 123.103.980.163          | 215.045.307.287          |
| Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận                    | 111.591.349.682          | 106.063.957.041          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII                        | 75.003.666.050           | 43.262.209.232           |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ                    | 45.420.534.246           | 1.132.926.126            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                        | 15.018.074.090           | 187.288.864.241          |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                          | 8.111.579.764            | -                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội             | -                        | 39.047.610.022           |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII                      | -                        | 11.106.138               |
| Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ                           | -                        | 5.796.457                |
| <b><i>Lãi từ các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ</i></b>    | <b>-</b>                 | <b>157.952.182.358</b>   |
| Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận                        | -                        | 110.111.917.800          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội             | -                        | 47.840.264.558           |
| <b><i>Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính</i></b>  | <b>393.362.015.900</b>   | <b>393.160.102</b>       |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII                      | 198.552.078.750          | -                        |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                          | 165.109.937.150          | 393.160.102              |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                          | 29.700.000.000           | -                        |
| <b>Cộng doanh thu tài chính từ bên liên quan</b>            | <b>1.464.935.281.402</b> | <b>1.158.000.087.153</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

|                                                           | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|-----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Chi phí tài chính</b>                                  |                        |                        |
| <b>Chi phí lãi vay</b>                                    | <b>299.589.609.350</b> | <b>352.586.240.652</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy                        | 109.980.000.000        | 111.373.000.000        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII                      | 105.146.416.828        | 33.436.645.722         |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII                    | 39.547.805.190         | 1.319.092.203          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                      | 25.952.126.714         | 50.632.167.774         |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ                  | 5.926.015.435          | 345.056.405            |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                        | 4.876.117.169          | 141.120.941.718        |
| Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu                            | 4.821.479.453          | 3.417.465.753          |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII   | 1.174.967.078          | 1.157.028.056          |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm                                    | 1.070.487.671          | 327.843.835            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu   | 542.637.649            | 1.179.607.620          |
| Ông Dương Quang Châu                                      | 427.947.946            | -                      |
| Ông Lê Toàn                                               | 123.608.217            | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                        | -                      | 8.277.391.566          |
| <b>Chi phí hợp tác kinh doanh</b>                         | <b>126.500.000.000</b> | <b>126.500.000.000</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy                        | 126.500.000.000        | 126.500.000.000        |
| <b>Phí thanh toán trước hạn hợp đồng</b>                  | <b>-</b>               | <b>14.850.000.000</b>  |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                        | -                      | 14.850.000.000         |
| <b>Cộng chi phí tài chính từ bên liên quan</b>            | <b>426.089.609.350</b> | <b>493.936.240.652</b> |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                       |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII                      | 1.465.705.740          | 977.137.160            |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ                  | 1.391.344.778          | 1.316.555.247          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                      | 54.475.308             | -                      |
| <b>Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp từ bên liên quan</b> | <b>2.911.525.826</b>   | <b>2.293.692.407</b>   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

|                                                        | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND  |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII</b>            |                   |                   |
| Nhận thanh toán cổ tức                                 | 115.327.010.400   | 264.389.605.000   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                   | 18.185.000.000    | 200.132.888.201   |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                             | 494.727.732.218   | 155.683.129.554   |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                 | 412.226.000.000   | 32.156.164.384    |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                | 250.223.549.639   | 40.968.381.564    |
| Thanh toán tiền mua cổ phiếu                           | 80.105.840.000    | -                 |
| <b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>              |                   |                   |
| Chuyển tiền góp vốn                                    | 1.125.000.000.000 | -                 |
| Chuyển nhượng tài sản tài chính                        | 1.071.000.000.000 | -                 |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                   | 406.752.536.119   | 2.358.746.000.000 |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                             | 437.645.340.214   | 2.913.427.739.615 |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                 | 1.271.623.370.611 | -                 |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                | 437.275.819.126   | -                 |
| Thu hồi vốn góp đầu tư                                 | -                 | 1.160.000.000.000 |
| <b>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</b>            |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                   | 4.540.915.000.999 | 1.705.853.453.923 |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                             | 1.595.319.696.873 | 603.754.249.227   |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                 | 815.800.000.000   | 1.199.266.203.635 |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                | 137.641.157.776   | 659.182.051.378   |
| <b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII</b>          |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                   | 1.387.444.713.691 | 246.352.079.985   |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                             | 811.254.086.192   | 111.962.234.900   |
| Chuyển nhượng các khoản đầu tư                         | 231.060.000.000   | 326.584.523.762   |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                 | -                 | 16.636.813.877    |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                | -                 | 16.636.813.877    |
| <b>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</b>        |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                   | 158.305.846.012   | 28.756.428.932    |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                             | 8.495.983.825     | 4.998.067.436     |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                | 81.500.000.000    | 17.523.289.823    |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                 | -                 | 837.697.000.000   |
| Nhận tiền hoàn trả vốn góp                             | -                 | 800.020.000.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội</b> |                   |                   |
| Nhận thanh toán tiền lợi nhuận                         | 77.565.829.695    | 70.001.735.841    |
| Chuyển tiền mua trái phiếu                             | -                 | 550.000.000.000   |
| Nhận thanh toán trái phiếu trước hạn                   | -                 | 25.000.000.000    |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                 | -                 | 109.709.211.653   |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                | -                 | 25.144.845.446    |
| <b>Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu</b>                  |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                   | 15.000.000.000    | 30.000.000.000    |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                             | 5.000.000.000     | 25.000.000.000    |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

|                                                                                   | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII</b>                                         |                   |                   |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                                            | 5.027.606.247.977 | 3.135.650.000.000 |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                                           | 1.840.918.179.719 | 474.314.991.828   |
| Nhận tiền chuyển nhượng khoản đầu tư                                              | 1.228.355.522.997 | -                 |
| Chuyển tiền góp vốn vào công ty con                                               | 1.000.000.000.000 | -                 |
| Chuyển nhượng tài sản tài chính                                                   | 743.802.078.750   | 4.706.554.483.204 |
| Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng trái phiếu BNTCH2433001 và trái phiếu HNH12401 | -                 | 1.737.345.000.000 |
| Nhận hoàn trả vốn góp                                                             | -                 | 500.000.000.000   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                                              | -                 | 7.700.000.000     |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                                                        | -                 | 7.187.993.590     |
| <b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII</b>                    |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                                              | 55.000.000.000    | 5.000.000.000     |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                                                        | 1.286.810.905     | 4.318.589.042     |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu</b>                    |                   |                   |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                                                        | 174.400.558       | 801.515.821       |
| Thu hồi một phần vốn góp                                                          | -                 | 24.788.300.000    |
| <b>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận</b>                                 |                   |                   |
| Chuyển tiền hợp tác đầu tư                                                        | 125.000.000.000   | 70.000.000.000    |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</b>                                         |                   |                   |
| Chuyển tiền góp vốn hợp tác kinh doanh                                            | 1.142.719.000.000 | 3.018.910.000.000 |
| Thu hồi tiền góp vốn hợp tác kinh doanh                                           | 1.828.404.000.000 | 798.821.000.000   |
| <b>Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận</b>                                       |                   |                   |
| Chuyển tiền mua trái phiếu                                                        | -                 | 1.200.000.000.000 |
| Nhận thanh toán trái phiếu trước hạn                                              | -                 | 15.000.000.000    |
| <b>Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ</b>                                          |                   |                   |
| Chuyển tiền hỗ trợ vốn                                                            | -                 | 10.000.000.000    |
| Thu hồi tiền hỗ trợ vốn                                                           | -                 | 10.000.000.000    |
| <b>Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm</b>                                                     |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                                              | 4.600.000.000     | 10.000.000.000    |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                                                        | 4.600.000.000     | -                 |
| <b>Ông Dương Quang Châu</b>                                                       |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                                              | 4.300.000.000     | -                 |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                                                        | 4.300.000.000     | -                 |
| <b>Ông Lê Toàn</b>                                                                |                   |                   |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn                                                              | 2.200.000.000     | -                 |
| Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn                                                        | 2.200.000.000     | -                 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán**

|                                                        | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|--------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng</b>                             |                          |                          |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                     | 3.291.393.675.054        | 3.415.738.180.157        |
| <b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>                    |                          |                          |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII                     | 3.798.774.266.072        | 2.265.787.931.145        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy                     | 1.098.404.000.000        | 1.324.089.000.000        |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ               | 718.550.000.000          | 800.050.000.000          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII                   | 501.037.036.863          | 868.219.555.490          |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm                     | 328.965.210.469          | -                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                   | 218.158.578.419          | 34.132.281.037           |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>6.663.889.091.823</b> | <b>5.292.278.767.672</b> |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                          |                          |                          |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia              | 544.650.853.731          | 472.330.548.650          |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội</i> | 544.650.853.731          | 463.777.405.702          |
| <i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII</i>          | -                        | 8.173.403.085            |
| <i>Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn</i>                    | -                        | 379.739.863              |
| Lãi phải thu                                           | 481.532.353.336          | 178.766.482.487          |
| <i>Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII</i>              | 227.358.897.232          | 20.377.504.484           |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</i>              | 209.345.586.411          | 129.502.731.944          |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII</i>            | 28.120.669.045           | 12.948.701.521           |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</i>            | 16.707.200.648           | 15.475.178.785           |
| <i>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</i>        | -                        | 462.365.753              |
| Vốn góp hợp tác đầu tư                                 | 238.302.118.329          | 1.095.643.772.172        |
| <i>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận</i>      | 238.302.118.329          | 1.095.643.772.172        |
| Phải thu khác                                          | 64.251.266.900           | -                        |
| <i>Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận</i>     | 64.251.266.900           | -                        |
| <b>Cộng phải thu ngắn hạn khác</b>                     | <b>1.328.736.592.296</b> | <b>1.746.740.803.309</b> |
| <b>Phải trả người bán</b>                              |                          |                          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII                   | -                        | 403.069.079              |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán** (tiếp theo)

|                                                                | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>                                  |                          |                          |
| Vốn góp và chi phí hợp tác kinh doanh                          | 154.327.914.607          | 73.601.343.856           |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</i>                      | 154.327.914.607          | 73.601.343.856           |
| Chi phí sử dụng vốn                                            | 20.746.119.893           | 12.950.569.075           |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</i>                    | 10.233.198.121           | 2.285.718.298            |
| <i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII</i>                  | 7.190.473.443            | 125.584.988              |
| <i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>                          | 2.831.958.905            | 10.479.452               |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII</i> | 450.230.697              | 712.452.714              |
| <i>Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm</i>                                  | 25.616.438               | 25.616.438               |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu</i> | 14.642.289               | 49.863.462               |
| <i>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</i>                | -                        | 5.409.009.071            |
| <i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</i>                      | -                        | 4.331.844.652            |
| Các khoản thu hộ                                               | -                        | 6.869.000.000            |
| <i>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</i>                | -                        | 6.869.000.000            |
| Phải trả khác                                                  | 1.650.000.000            | 2.610.662.511            |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>                    | 1.650.000.000            | 2.000.000.000            |
| <i>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</i>                | -                        | 610.662.511              |
| <b>Cộng phải trả ngắn hạn khác</b>                             | <b>176.724.034.500</b>   | <b>96.031.575.442</b>    |
| <b>Phải trả dài hạn khác</b>                                   |                          |                          |
| Vốn góp hợp tác kinh doanh                                     | 1.952.378.000.000        | 1.982.998.000.000        |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</i>                      | 1.952.378.000.000        | 1.982.998.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>1.952.378.000.000</b> | <b>1.982.998.000.000</b> |
| <b>Tổng cộng phải trả khác</b>                                 | <b>2.129.102.034.500</b> | <b>2.079.029.575.442</b> |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>                       |                          |                          |
| <i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII</i>                  | 721.009.295.698          | 152.795.068.357          |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</i>                    | 462.589.021.242          | 733.448.598.802          |
| <i>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</i>                | 153.740.969.363          | 10.508.361.496           |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII</i> | 72.394.600.053           | 18.681.410.958           |
| <i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>                          | 55.000.000.000           | 45.000.000.000           |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu</i> | 2.833.991.444            | 9.650.992.622            |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII</i>                    | -                        | 497.150.167.627          |
| <i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</i>                      | -                        | 6.080.125.876            |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>1.467.567.877.800</b> | <b>1.473.314.725.738</b> |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>                        |                          |                          |
| <i>Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm</i>                                  | 10.000.000.000           | 10.000.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>10.000.000.000</b>    | <b>10.000.000.000</b>    |
| <b>Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính</b>                      | <b>1.477.567.877.800</b> | <b>1.483.314.725.738</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Bên liên quan (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty còn thực hiện bảo lãnh một số nghĩa vụ tài chính cho các công ty con và công ty liên kết tại như sau:

| Tên công ty nhận bảo lãnh                       | Giá trị bảo lãnh VND | Nghĩa vụ bảo lãnh                                                                                                                                                                                | Tổ chức tín dụng                                                         |
|-------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận      | 6.709.623.795.886    | Bảo lãnh vô điều kiện/không hủy ngang một số nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                  | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội | 1.793.955.113.788    | Bảo lãnh vô điều kiện/không hủy ngang một số nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                  | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh   |
| Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm              | 695.800.000.000      | Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                                      |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII            | 1.026.200.000.000    | Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                                      |
| Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ        | 500.000.000.000      | Bảo lãnh vô điều kiện/không hủy ngang một số nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                  | Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh                          |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII              | 762.000.000.000      | Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy              | 1.789.000.000.000    | Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                                      |
|                                                 | 1.000.000.000.000    | Bảo lãnh vô điều kiện/không hủy ngang một số nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                  | Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh                          |
|                                                 | 5.000.000.000.000    | Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính                                                                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                                      |
|                                                 | 886.548.000.000      | Bảo lãnh bằng việc đảm bảo quyền của Công ty đối với phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ và một số quyền phát sinh từ tài sản thuộc Tòa nhà Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh |
|                                                 | 678.645.000.000      | Bảo lãnh vô điều kiện/không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính                                                                                                                             | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                                      |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thù lao, phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm**

| Họ và tên                          | Chức vụ                                                | Năm nay<br>VND                      | Năm trước<br>VND                 |
|------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| <b><u>Hội đồng Quản trị</u></b>    |                                                        |                                     |                                  |
| Ông Lê Vũ Hoàng                    | Chủ tịch                                               | 344.593.905                         | -                                |
| Bà Trương Thị Ngọc Hải             | Phó Chủ tịch                                           | 344.593.905                         | -                                |
| Ông Lê Quốc Bình                   | Thành viên                                             | 413.512.685                         | -                                |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm             | Thành viên                                             | 344.593.905                         | -                                |
| Ông Dương Trường Hải               | Thành viên độc lập                                     | 344.593.905                         | -                                |
| Ông Lê Toàn                        | Thành viên độc lập                                     | 935.193.905                         | 525.600.000                      |
| Ông Lê Phạm Ngọc<br>Phương         | Thành viên (bổ nhiệm<br>ngày 18 tháng 4 năm<br>2025)   | -                                   | -                                |
| Ông Lưu Hải Ca                     | Thành viên (miễn nhiệm<br>ngày 18 tháng 4 năm<br>2025) | 344.593.905                         | -                                |
| Bà Cao Thị Ngọc Vân<br><b>Cộng</b> | Thư ký                                                 | 139.378.172<br><b>3.211.054.287</b> | 36.000.000<br><b>561.600.000</b> |
| <b><u>Ban Kiểm soát</u></b>        |                                                        |                                     |                                  |
| Ông Đoàn Minh Thư                  | Trưởng ban kiểm soát                                   | 344.593.905                         | -                                |
| Bà Trịnh Thị Ngọc Anh              | Thành viên                                             | 172.296.953                         | -                                |
| Bà Trần Thị Tuất<br><b>Cộng</b>    | Thành viên                                             | 172.296.953<br><b>689.187.811</b>   | -<br><b>-</b>                    |

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được chi từ quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban điều hành được hưởng trong năm**

| Họ và tên               | Chức vụ                                                                 | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Lê Vũ Hoàng         | Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách                                 | 2.034.000.000         | 1.749.000.000         |
| Ông Lê Quốc Bình        | Tổng Giám đốc                                                           | 3.894.000.000         | 3.754.000.000         |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm  | Phó Tổng Giám đốc                                                       | 1.493.628.000         | 1.336.344.000         |
| Ông Nguyễn Văn Thành    | Phó Tổng Giám đốc                                                       | 1.882.000.000         | 1.713.000.000         |
| Bà Nguyễn Quỳnh Hương   | Phó Tổng Giám đốc                                                       | 1.731.000.000         | 2.134.000.000         |
| Ông Dương Quang Châu    | Giám đốc dự án hạ tầng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)            | 465.000.000           | 766.500.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thu Trà   | Giám đốc tài chính                                                      | 1.824.000.000         | 1.864.000.000         |
| Ông Nguyễn Trường Hoàng | Giám đốc phát triển dự án                                               | 1.830.230.000         | 1.292.000.000         |
| Ông Lê Trung Hiếu       | Giám đốc quản lý vốn                                                    | 1.525.000.000         | 1.582.000.000         |
| Bà Trần Yến Vy          | Giám đốc hành chính - quản trị                                          | 934.000.000           | 1.025.233.571         |
| Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Giám đốc công nghệ và chuyển đổi số (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025) | 346.900.000           | -                     |
| Ông Nguyễn Duy Minh     | Giám đốc quản lý xây dựng hạ tầng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)   | 997.450.804           | -                     |
| Bà Lý Huỳnh Trúc Giang  | Giám đốc kế toán (bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2025)                    | 230.000.000           | -                     |
| <b>Cộng</b>             |                                                                         | <b>19.187.208.804</b> | <b>17.216.077.571</b> |

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban điều hành được chi từ quỹ tiền lương năm 2024 và năm 2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

|                                                                               | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND          |
|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b> |                          |                           |
| Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu                                          | 2.289.532.700.000        | 13.876.000.000            |
| Xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi                                          | 17.522.530.978           |                           |
| <b>Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác (mã số 25)</b>              |                          |                           |
| Chi đầu tư vào công ty con                                                    | 2.225.105.840.000        | 744.031.491.879           |
| <b>Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (mã số 26)</b>        |                          |                           |
| Thu hồi đầu tư vào công ty con                                                | 1.936.621.860.000        | 3.921.184.045.675         |
| Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                        | 48.000.000.000           | 212.397.099.499           |
|                                                                               | <b>1.984.621.860.000</b> | <b>4.133.581.145.174</b>  |
| <b>Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (mã số 31)</b> |                          |                           |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                                              | 942.961.555.395          | -                         |
| <b>Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)</b>                           |                          |                           |
| Tiền thu từ phát hành trái phiếu                                              | 1.818.698.444.605        | 2.569.611.400.000         |
| Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường                                  | 2.670.074.736.795        | 6.045.087.626.168         |
| Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn                                 | 3.339.881.221.397        | 2.195.293.395.407         |
|                                                                               | <b>7.828.654.402.797</b> | <b>10.809.992.421.575</b> |
| <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)</b>                       |                          |                           |
| Tiền trả nợ gốc trái phiếu                                                    | -                        | 1.705.000.000.000         |
| Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường                                 | 2.916.596.644.987        | 2.846.394.914.284         |
| Tiền trả nợ hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm             | -                        | 29.000.000.000            |
| Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi                                         | 555.000.000              | 283.000.000               |
| Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn                                    | 3.355.628.069.335        | 4.412.651.073.746         |
|                                                                               | <b>6.272.779.714.322</b> | <b>8.993.328.988.030</b>  |

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, Công ty đã tiến hành chuyển đổi đợt 02 (hai) trái phiếu CII424002 với tổng số lượng trái phiếu chuyển đổi là 4.653.487 trái phiếu, tương đương tổng mệnh giá là 465.348.700.000 đồng, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 46.534.870 cổ phiếu. Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty đăng ký niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu này theo Quyết định số 211/QĐ-SGDHCM ngày 25 tháng 02 năm 2026. Sau đợt chuyển đổi này, vốn điều lệ của Công ty là 6.719.852.910.000 đồng tương ứng với 671.985.291 cổ phần và được cập nhật tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 42 ngày 09 tháng 3 năm 2026.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, Công ty đã hoàn tất chào bán trái phiếu CII12504 kỳ hạn 60 tháng với tổng khối lượng là 5.000 trái phiếu tương đương 500 tỷ đồng (xem thêm tại thuyết minh V.12).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính** (tiếp theo)

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 170/NQ-HĐQT (NK 2022-2027) thông qua việc CII và/hoặc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII tham gia hợp tác đầu tư với Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận để thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo phương thức đối tác công tư với số tiền hợp tác tối đa là 3.618.000.000.000 đồng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 53/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, ngày 13 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 177/NQ-HĐQT (NK 2022-2027) thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu chuyển đổi mã CII425002 ra công chúng. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành là 2.500.000.000.000 đồng, kỳ hạn 15 năm. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký mua trái phiếu và nộp tiền đặt cọc dự kiến từ ngày 01 tháng 4 năm 2026 đến 17 giờ ngày 25 tháng 5 năm 2026.

Ngoài các sự kiện đã nêu, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.



**Phạm Nguyễn Kim Ngân**  
Người lập biểu



**Lý Huỳnh Trúc Giang**  
Kế toán trưởng



**Lê Quốc Bình**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

